

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----



ISO 9001 : 2008

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thu Hằng  
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Lê Thị Nam Phương**

**HẢI PHÒNG - 2012**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,  
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI  
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CHUNG HẰNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thu Hằng  
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Lê Thị Nam Phương**

**HẢI PHÒNG - 2012**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**  
**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**  
-----

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Nguyễn Thu Hằng

Mã SV: 1013401123

Lớp: QTL402K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Chung Hằng.

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
  - Tổng quan lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp: tìm hiểu một số khái niệm cơ bản về tiêu thụ sản phẩm, doanh thu, chi phí và những nội dung cơ bản.
  - Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Chung Hằng
  - Đưa ra một số ý kiến hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương Mại Chung Hằng rút ra những ưu điểm, nhược điểm
  
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
  - Các chứng từ tài liệu sổ sách kế toán liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
  - Số liệu được lấy trong tháng 12 năm 2011
  
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương Mại Chung Hằng

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**  
**CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

---

**Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên: Lê Thị Nam Phương

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương Mại Chung Hằng.

**Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Nguyễn Thu Hằng

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

ThS. Lê Thị Nam Phương

***Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2012***

**Hiệu trưởng**

**GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị**

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

### **PHẦN NHẬN XÉT TÓM TẮT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN**

**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

- Nghiêm túc trong nghiên cứu tài liệu và tìm hiểu thực tiễn của doanh nghiệp.
- Chăm chỉ, khiêm tốn, cố gắng, nỗ lực trong quá trình làm bài.
- Hoàn thành khóa luận theo đúng tiến độ của giảng viên hướng dẫn và của nhà trường.

**2. Đánh giá chất lượng của khóa luận :**

- Bài viết trình bày rõ cơ sở lý luận theo đề tài nghiên cứu.
- Nắm được tình hình kế toán tại doanh nghiệp và công tác kế toán theo đề tài được giao.
- Đánh giá được thực trạng công tác kế toán theo đề tài tại doanh nghiệp.
- Đã đề xuất và phân tích một số giải pháp tương đối phù hợp.
- Phương pháp trình bày dễ hiểu, văn phong gọn gàng.
- Tuy nhiên một số giải pháp đưa ra cần phân tích sâu, cụ thể hơn thì giải pháp sẽ thuyết phục hơn.

**3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

.....  
.....

*Hải Phòng, ngày .... tháng .... năm .....*

**Cán bộ hướng dẫn**

*Ths. Lê Thị Nam Phương*

**MỤC LỤC**

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.</b> .....	11
1.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	11
1.1.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	11
1.1.2. Phân loại hoạt động kinh doanh và cách thức xác định kết quả kinh doanh từng hoạt động. ....	11
1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. ....	14
1.3. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. ....	15
1.4. Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. ....	16
1.4.1. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp. ....	16
1.4.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ .....	16
1.4.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp.....	19
1.4.1.3. Tổ chức kế toán Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.	20
1.4.1.4. Tổ chức kế toán Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	29
1.4.1.5. Tổ chức kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp trong doanh nghiệp.....	32
1.4.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí của hoạt động tài chính trong doanh nghiệp.	34
1.4.3. Tổ chức kế toán thu nhập khác và chi phí khác trong doanh nghiệp. ....	38
1.4.4. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	42

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

1.5. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	45
1.5.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.....	45
1.5.2. Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái.....	46
1.5.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	46
1.5.4. Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ.....	47
1.5.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	48
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CHUNG HẰNG.....</b>	<b>49</b>
2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH TM Chung Hằng.....	49
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH TM Chung Hằng.....	49
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH TM Chung Hằng.....	51
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH TM Chung Hằng.....	51
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH TM Chung Hằng.....	53
2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH TM Chung Hằng.....	53
2.1.4.2. Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty TNHH TM Chung Hằng.....	55
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Chung Hằng.....	55
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ.....	55
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	53
2.2.3. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý kinh doanh.....	67
2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	65
2.2.5. Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	70
<b>CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CHUNG HẰNG.....</b>	<b>80</b>
3.1. Đánh giá về thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Chung Hằng.....	89



## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

3.1.1. Kết quả đạt được. ....	89
3.1.2. Hạn chế. ....	90
3.2. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Chung Hằng. ....	91
3.3. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Chung Hằng. ....	92
3.3.1. Giải pháp về việc ứng dụng khoa học công nghệ. ....	92
3.3.2. Giải pháp về việc sử dụng chính sách chiết khấu thanh toán. ....	83
3.3.3. Giải pháp cho tài khoản 642. ....	93
3.3.4. Giải pháp lập sổ chi tiết giá vốn hàng bán cho tài khoản 632. ....	85
<b>KẾT LUẬN</b> .....	97
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	98

Trong bối cảnh đất nước ta đang từng bước hội nhập với nền kinh tế thế giới, vai trò của các doanh nghiệp ngày càng được khẳng định. Để đạt được mục tiêu kinh doanh: nâng cao doanh thu, giảm thiểu chi phí nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm thì nhà quản lý cần nhận thức rõ vai trò của các thông tin kinh tế. Có thể nói kế toán là cánh tay phải đắc lực giúp nhà quản lý có thể nắm bắt được tình hình tài chính và có thể đưa ra được các quyết định đúng đắn.

Sau thời gian tìm hiểu thực trạng hoạt động kinh doanh của công ty em nhận thấy công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nói riêng là bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, em quyết định lựa chọn đề tài: “ **Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Chung Hằng**” làm khóa luận tốt nghiệp.

Khóa luận gồm 3 chương:

***CHƯƠNG 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.***

***CHƯƠNG 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Chung Hằng.***

***CHƯƠNG 3: Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Chung Hằng.***

Em xin chân thành cảm ơn Thạc sĩ Lê Thị Nam Phương, các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân lập Hải Phòng, các cô chú phòng Tài chính kế toán của Công ty TNHH TM Chung Hằng đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

### **CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.**

#### **1.1. Khái quát chung về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

##### **1.1.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

Trước đây, trong cơ chế quản lý kinh tế kế hoạch hóa tập trung, tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở các doanh nghiệp hầu như được Nhà nước “lo” cho toàn bộ. Nếu kinh doanh có lãi thì doanh nghiệp được hưởng còn thua lỗ thì Nhà nước chịu. Vì vậy, công tác này thường bị các doanh nghiệp xem nhẹ. Khi chuyển sang cơ chế thị trường, các doanh nghiệp phải tự chủ trong sản xuất kinh doanh, không còn sự bao cấp của Nhà nước thì việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trở nên vô cùng quan trọng. Các doanh nghiệp phải tổ chức tốt được công tác này mới có thể đưa ra được các biện pháp để tăng doanh thu, giảm chi phí và tối đa hóa lợi nhuận.

- **Doanh thu:** Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- **Chi phí:** Là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

- **Kết quả kinh doanh:** Là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

##### **1.1.2. Phân loại hoạt động kinh doanh và cách thức xác định kết quả kinh doanh từng hoạt động.**

Hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp gồm 3 hoạt động cơ bản:

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

- Hoạt động sản xuất kinh doanh
- Hoạt động tài chính
- Hoạt động khác

❖ **Hoạt động sản xuất kinh doanh:** Là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.

Kết quả  
hoạt động sản xuất KD

$$\text{DTT về BH} = \text{và cung cấp DV}$$

Giá vốn hàng bán

$$\text{Chi phí bán hàng}$$

Chi phí quản lý DN

Trong đó:

$$\text{Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu}$$

- **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).
- **Các khoản giảm trừ doanh thu** bao gồm:
  - ✓ Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp.
  - ✓ Chiết khấu thương mại: Là khoản doanh nghiệp bán hàng bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

- ✓ Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hoặc một phần hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.
- ✓ Giá trị hàng bán bị trả lại: Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.
- Giá vốn hàng bán: Là giá trị thực tế xuất kho của một số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.
- Chi phí bán hàng: Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung toàn DN.
- ❖ Hoạt động tài chính: Là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.

$$\begin{array}{rcccl} \text{Kết quả hoạt động} & & \text{Doanh thu hoạt động} & & \text{Chi phí hoạt} \\ \text{tài chính} & = & \text{tài chính} & - & \text{động tài chính} \end{array}$$

- Doanh thu hoạt động tài chính: Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính, bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.
- Chi phí hoạt động tài chính: Bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, giao dịch chứng khoán... khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán...
- ❖ Hoạt động khác: Là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

$$\text{Kết quả hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

- Thu nhập khác: Là những khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.
- Chi phí khác: Là những khoản chi phí khác phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

### **1.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình phát sinh, hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hoá theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại, giá trị....

- Phản ánh đầy đủ, kịp thời, chi tiết tình hình tiêu thụ ở tất cả các trạng thái như hàng đi đường, hàng tồn kho...

- Xác định đúng thời điểm hàng hóa được coi là tiêu thụ để phản ánh doanh thu một cách chính xác và kịp thời để lập báo cáo tiêu thụ.

- Lựa chọn phương pháp tính giá vốn hàng xuất bán phù hợp.

- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán... Từ đó đưa ra các kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời theo dõi, đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước để họ có căn cứ đánh giá sức mua, đánh giá tình hình tiêu dùng, đề xuất các chính sách ở tầm vĩ mô.

- Cung cấp các thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh.

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

- Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

### **1.3. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

#### **❖ Đối với doanh nghiệp**

Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp:

- Xác định hiệu quả của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp.
- Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh.
- Có căn cứ để thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước, thực hiện việc phân phối cũng như tái đầu tư sản xuất kinh doanh.
- Kết hợp các thông tin thu thập được với các thông tin khác để đề ra chiến lược, giải pháp sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất trong tương lai.

#### **❖ Đối với Nhà nước**

Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cũng có ý nghĩa quan trọng đối với Nhà nước:

- Trên cơ sở các số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu cho Ngân sách quốc gia. Từ đó, Nhà nước tái đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đảm bảo điều kiện về chính trị - an ninh - xã hội tốt nhất.
- Thông báo tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước của các doanh nghiệp, các nhà hoạch định chính sách quốc gia sẽ có cơ sở để đề ra các giải pháp phát triển nền kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.
- Riêng đối với các doanh nghiệp có nguồn vốn của Nhà nước, việc xác định doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không những đem lại nguồn thu cho Ngân sách mà còn đảm bảo nguồn vốn đầu tư của Nhà nước không bị thất thoát.

❖ **Đối với nhà đầu tư:** Thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trên các báo cáo tài chính các nhà đầu

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

tư sẽ phân tích đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp để có các quyết định đầu tư đúng đắn.

❖ **Đối với tổ chức trung gian tài chính:** Các số liệu về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là căn cứ để ra quyết định cho vay vốn đầu tư.

❖ **Đối với nhà cung cấp:** Kết quả kinh doanh, lịch sử thanh toán là căn cứ để quyết định cho doanh nghiệp chậm thanh toán hoặc trả góp.

### **1.4. Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

#### **1.4.1. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.**

##### ***1.4.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***

➤ **Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng: thỏa mãn đồng thời 5 điều kiện sau:**

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua;

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

+ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

+ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

➤ **Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Trường hợp về giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các 4 điều kiện sau:

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

+ Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;



## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

+ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

➤ **Nguyên tắc hạch toán doanh thu:**

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

+ Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

+ TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” chỉ phản ánh doanh thu của khối lượng sản phẩm, hàng hoá đã bán, dịch vụ đã cung cấp được xác định là tiêu thụ trong kỳ không phân biệt doanh nghiệp đã thu tiền hay sẽ thu tiền.

+ Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT;

+ Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

+ Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (Bao gồm cả thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu).

+ Những doanh nghiệp gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

+ Đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

+ Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

+ Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ số tiền thu được chia cho số năm cho thuê tài sản.

### ➤ **Các phương thức bán hàng:**

Ngày nay, trong nền kinh tế thị trường, để thúc đẩy quá trình tiêu thụ các doanh nghiệp sử dụng rất linh hoạt các phương thức bán hàng. Phương thức bán hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến việc sử dụng các tài khoản kế toán phản ánh tình hình xuất kho hàng hóa. Đồng thời có tính chất quyết định đối với việc xác định thời điểm bán hàng và ghi nhận doanh thu, tiết kiệm chi phí bán hàng để tăng lợi nhuận. Các phương thức bán hàng mà các doanh nghiệp thường áp dụng bao gồm:

- Phương thức bán hàng trực tiếp: Là phương thức giao hàng cho khách hàng trực tiếp tại kho, tại các phân xưởng sản xuất không qua kho. Sản phẩm đã giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ.
- Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng: Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo các điều kiện ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của doanh nghiệp. Khi người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán một phần hay toàn bộ thì lợi ích và rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho người mua, giá trị hàng hóa đã được thực hiện và thời điểm bên bán được ghi nhận doanh thu bán hàng.
- Phương thức bán hàng qua đại lý: Là phương thức bán hàng mà doanh nghiệp (bên giao đại lý) giao hàng cho cơ sở (đại lý) nhận bán hàng đại lý, ký gửi để cơ sở này trực tiếp bán hàng. Số hàng giao đại lý này vẫn thuộc

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

quyền sở hữu của bên giao đại lý, cho đến khi bên đại lý thông báo bán được hàng hoặc thanh toán tiền hàng cho bên giao đại lý thì mới được coi là hàng hóa tiêu thụ và ghi nhận doanh thu. Đối với bên đại lý, hoa hồng bán hàng nhận được chính là doanh thu và phải nộp thuế GTGT trên khoản hoa hồng nhận được này.

- Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp: Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được xác định tiêu thụ. Khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng ở ngay lần đầu để được nhận hàng, phần còn lại sẽ được trả dần trong một thời gian nhất định và phải chịu một khoản lãi suất đã được quy định trước trong hợp đồng.
- Phương thức tiêu thụ nội bộ: Là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ giữa đơn vị chính với đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một tổng công ty, tập đoàn...
- Phương thức hàng đổi hàng: Là phương thức bán hàng mà DN đem sản phẩm, vật tư, hàng hóa đổi lấy vật tư, hàng hóa khác không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư, hàng hóa tương ứng trên thị trường.

### ***1.4.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp.***

Giá vốn hàng bán là giá thực tế xuất kho của số sản phẩm (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá bán ra trong kỳ - đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Đối với DN thương mại, trị giá vốn hàng xuất kho để bán bao gồm: trị giá mua thực tế và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

Có 4 phương pháp tính giá vốn hàng bán:

- ❖ Phương pháp bình quân gia quyền:

Giá thực tế của hàng hóa = Số lượng hàng hóa xuất kho x Đơn giá bình quân xuất kho

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

➤ Bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng hóa nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập kho trong kỳ}}$$

➤ Bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn kho sau lần nhập } i}$$

❖ Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO):

FIFO được áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

❖ Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO):

Phương pháp này được áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

❖ Phương pháp thực tế đích danh:

Khi xuất lô hàng nào thì tính giá vốn theo giá thực tế nhập kho đích danh của lô hàng đó. Giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ lúc nhập kho đến lúc xuất ra (Trừ trường hợp điều chỉnh). Phương pháp này thích hợp với những hàng hoá có giá trị cao và có tính tách biệt như vàng bạc, kim loại quý hiếm....

***1.4.1.3. Tổ chức kế toán Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.***

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu xuất kho
- Hoá đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường.
- Phiếu thu
- Giấy báo Có của ngân hàng, sổ phụ ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan.

➤ **Tài khoản sử dụng:**

✓ TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

• Các TK cấp 2:

- +Tài khoản 5111- Doanh thu bán hàng hóa
- +Tài khoản 5112- Doanh thu bán các thành phẩm
- +Tài khoản 5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ
- +Tài khoản 5114- Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- +Tài khoản 5117- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

• Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none"><li>- Số thuế TTĐB, thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán;</li><li>- Số thuế GTGT phải nộp của DN nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;</li><li>- Doanh thu hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại k/c cuối kỳ;</li><li>- K/c doanh thu thuần vào TK 911</li></ul>		<ul style="list-style-type: none"><li>- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.</li></ul>
<b>Tổng số PS nợ</b>		<b>Tổng số PS có</b>

TK 511 không có số dư cuối kỳ.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

✓ TK 512: Doanh thu tiêu thụ nội bộ

• Các TK cấp 2:

+ Tài khoản 5121- Doanh thu bán hàng hóa

+ Tài khoản 5122- Doanh thu bán các thành phẩm

+ Tài khoản 5123 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

• Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 512	Có
- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ k/c cuối kỳ kế toán; - Số thuế TTĐB phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ ; - Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ ; - K/c doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào TK 911		- Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.
<b>Tổng số PS Nợ</b>		<b>Tổng số PS có</b>

✕

**TK 512 không có số dư cuối kỳ.**

✓ TK 521: Chiết khấu thương mại

• Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 521	Có
- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.		- Kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại phát sinh trong kỳ sang TK 511 để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.
<b>Tổng số PS Nợ</b>		<b>Tổng số PS có</b>

✕

**TK 521 không có số dư cuối kỳ.**

✓

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

✓ TK 531: Hàng bán bị trả lại

- Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 531	Có
- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.		- K/c doanh thu của hàng bán bị trả lại phát sinh trong kỳ vào bên Nợ TK 511 hoặc TK 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.
<b>Tổng số PS Nợ</b>		<b>Tổng số PS Có</b>

✕

**TK 531 không có số dư cuối kỳ.**

✓ TK 532: Giảm giá hàng bán

- Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 532	Có
- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.		- K/c toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ sang TK 511 hoặc TK 512.
<b>Tổng số PS Nợ</b>		<b>Tổng số PS Có</b>

✕

**TK 532 không có số dư cuối kỳ.**

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

✓ TK 632: Giá vốn hàng bán

- Kết cấu tài khoản:

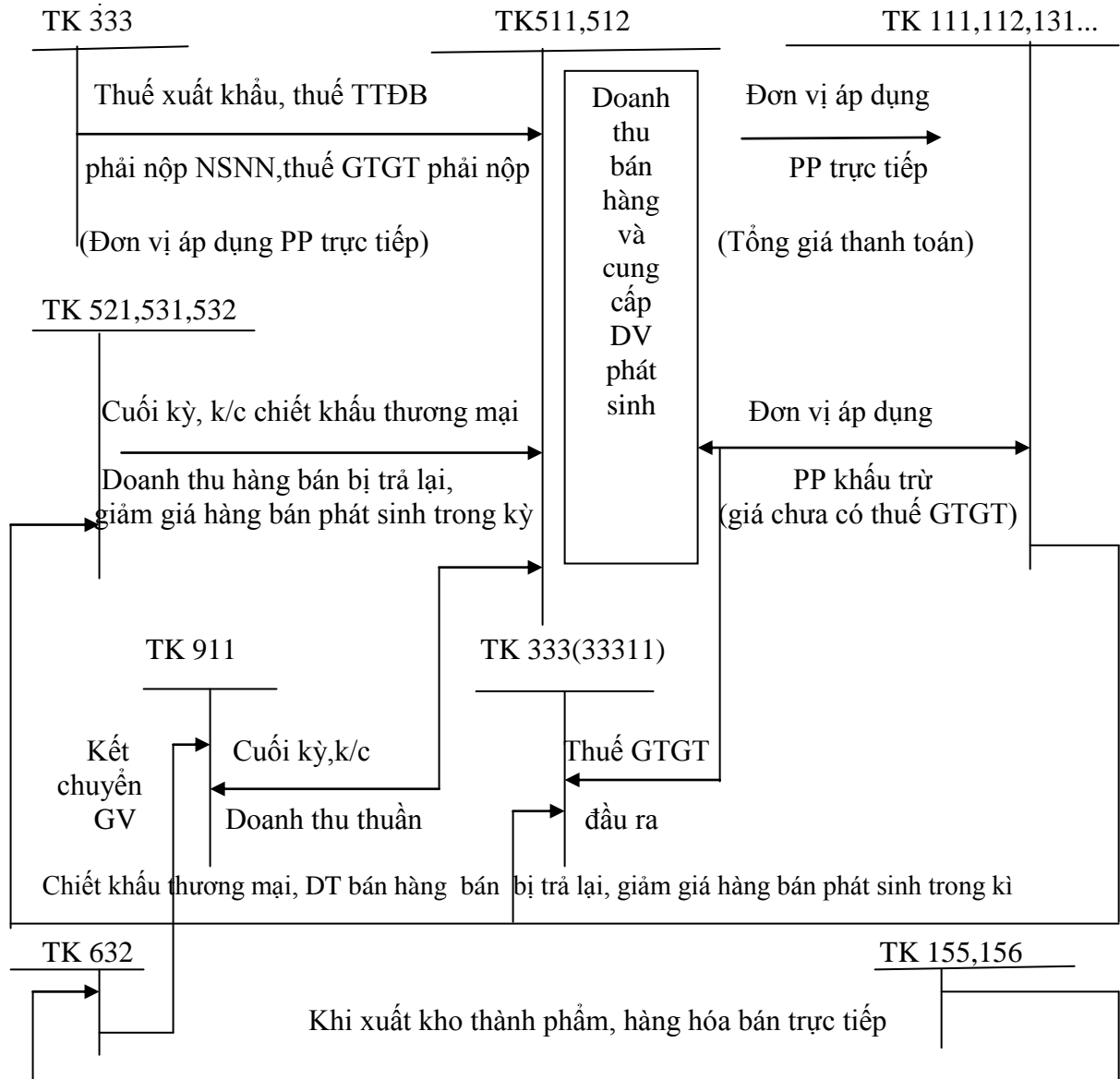
Nợ	TK 632	Có
<p>- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh:</p> <p>+ Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.</p> <p>+ Chi phí NVL, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí SXC cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;</p> <p>+ Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;</p> <p>+ Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt lên trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành;</p> <p>+ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.</p> <p>- Đối với hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư :</p> <p>+ Số khấu hao BĐS đầu tư trích trong kỳ;</p> <p>+ Chi phí sửa chữa nâng cấp cải tạo BĐS đầu tư không tính vào nguyên giá BĐS đầu tư;</p> <p>+ Giá trị còn lại của BĐS đầu tư bán thanh lý trong kỳ;</p> <p>+ Chi phí khi cho thuê hoạt động BĐS đầu tư.</p>	<p>- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911;</p> <p>- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh;</p> <p>- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã trích lập năm trước);</p> <p>- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.</p>	
<b>Tổng số PS bên Nợ</b>	<b>Tổng số PS bên Có</b>	

TK 632 không có số dư cuối kỳ.



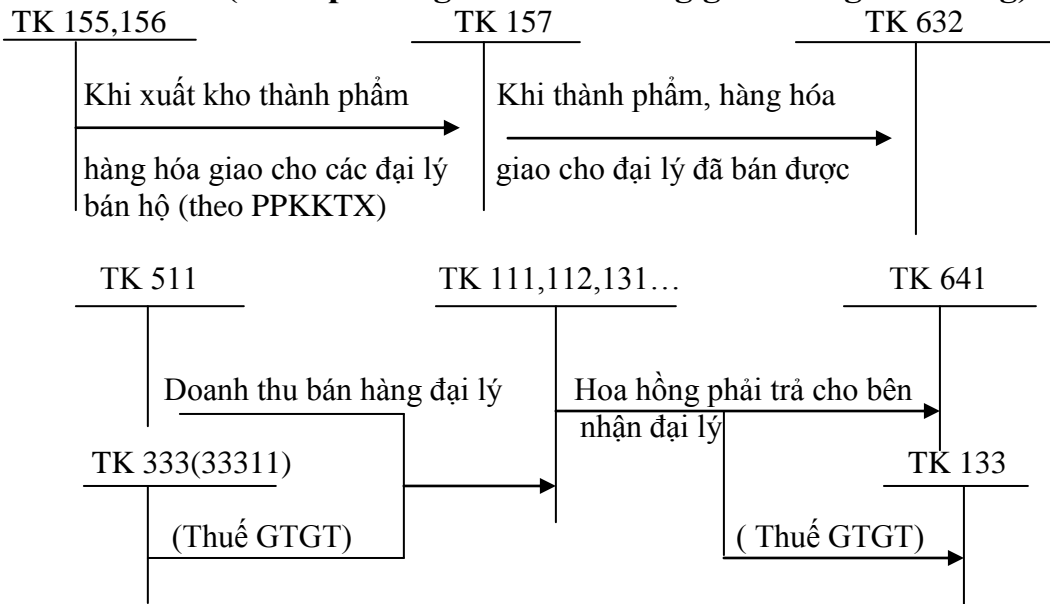
➤ Sơ đồ hạch toán:

**Sơ đồ 1.1: Kế toán bán hàng trực tiếp**

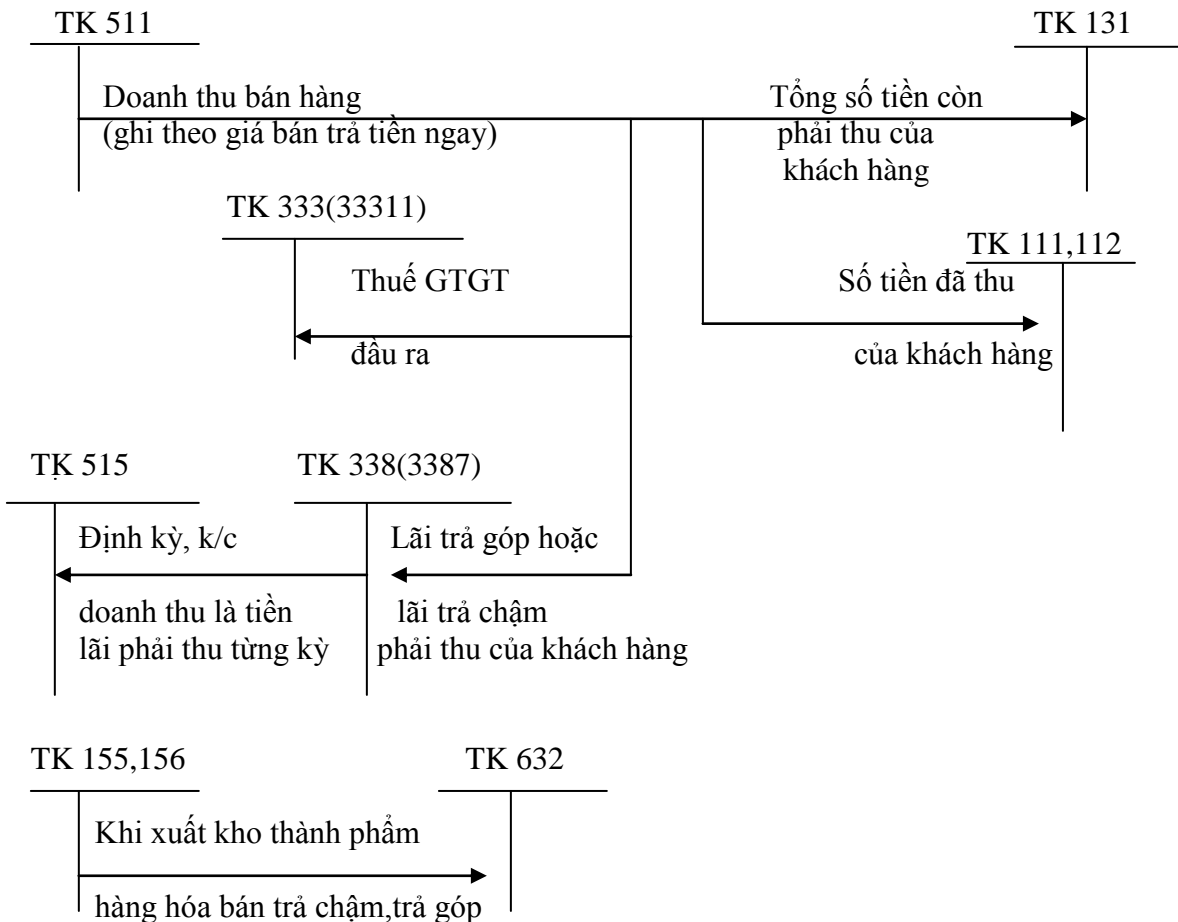


## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý  
(Theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng)**

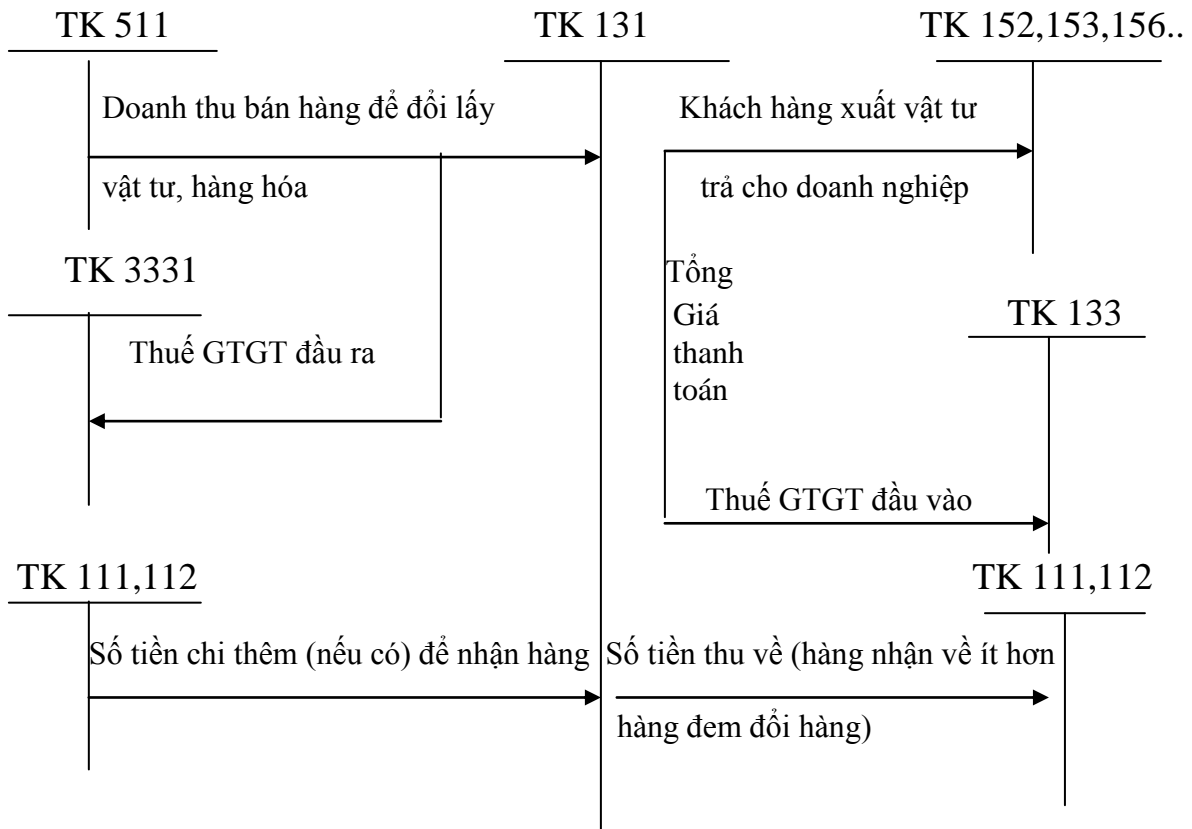


**Sơ đồ 1.3: Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm (hoặc trả góp)**

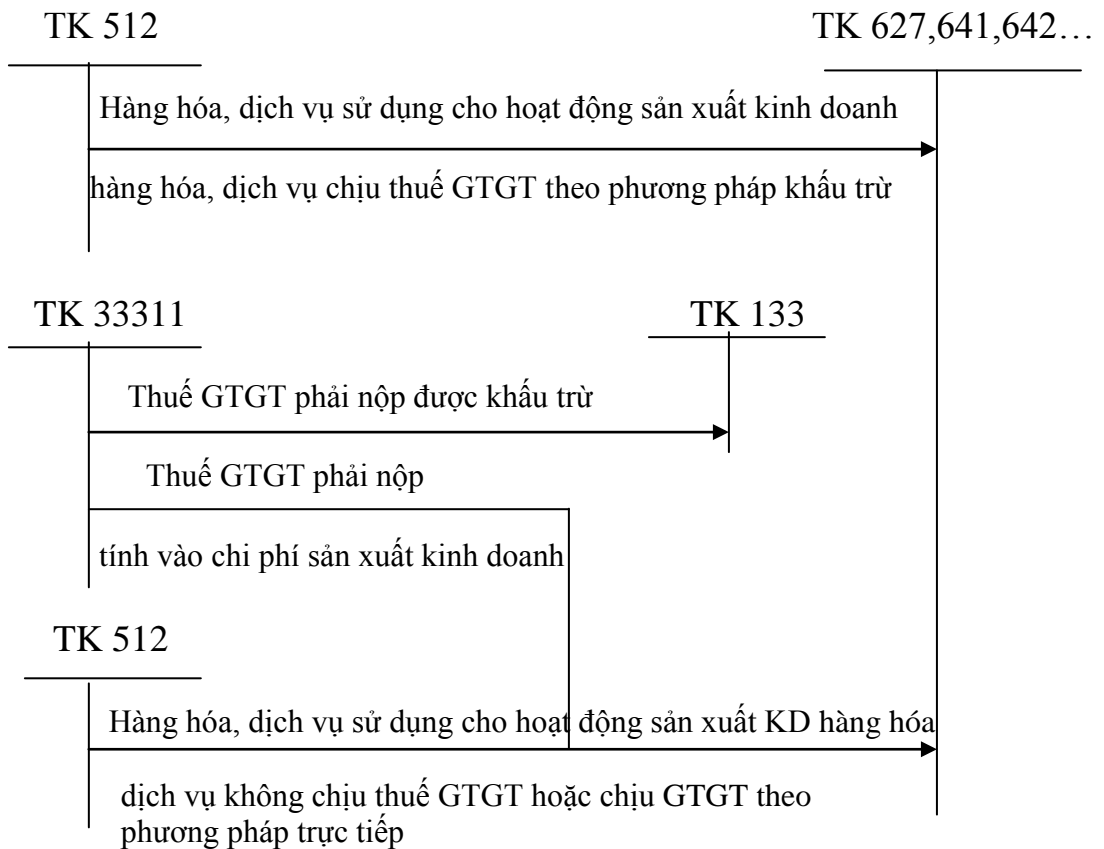


# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

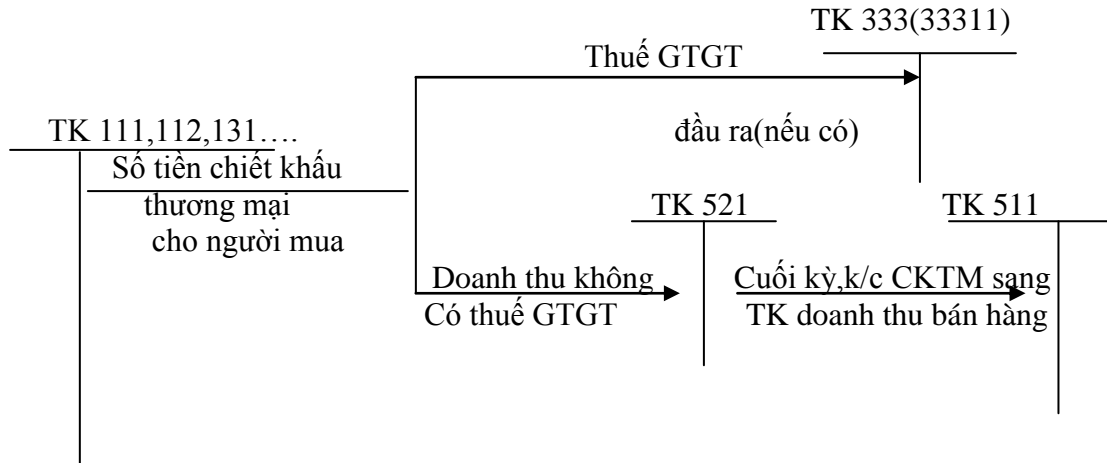
## Sơ đồ 1.4: Kế toán bán hàng theo phương thức trao đổi hàng



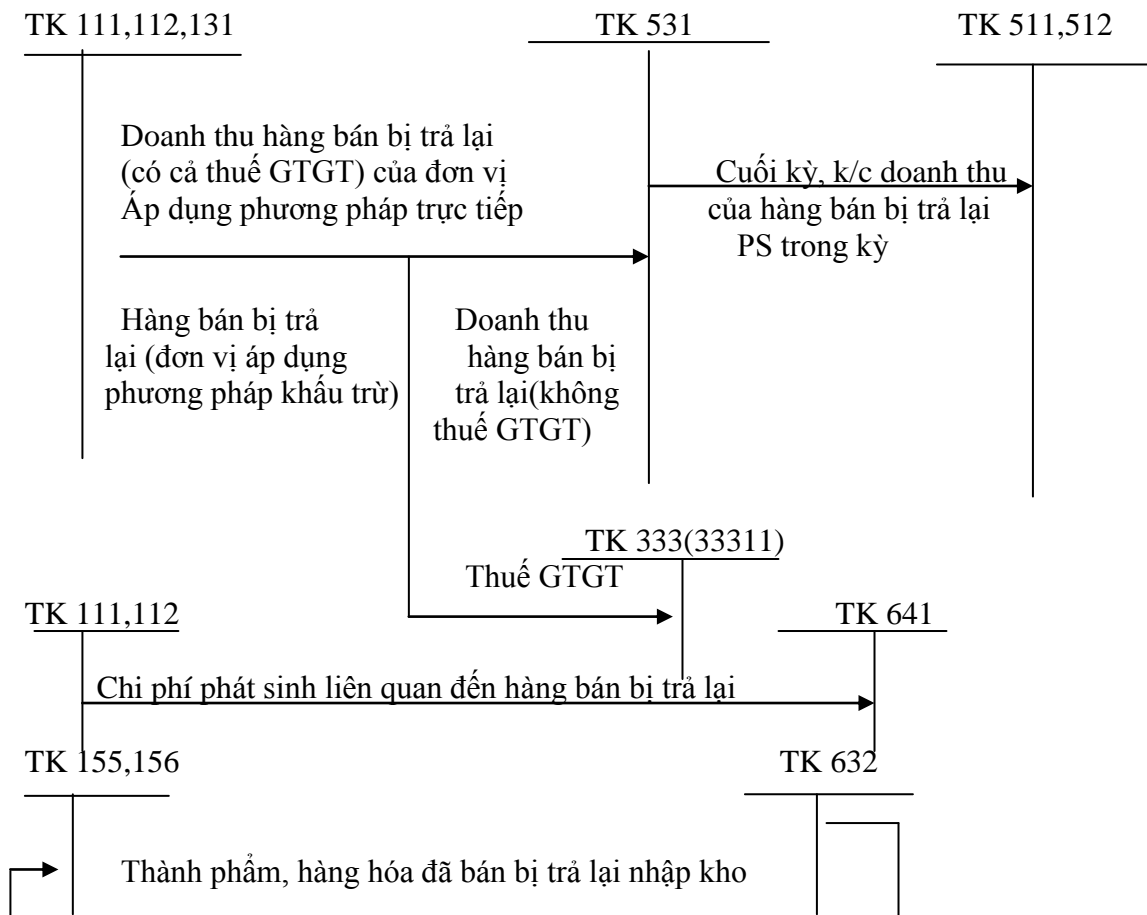
## Sơ đồ 1.5: Kế toán bán hàng theo phương thức tiêu thụ nội bộ



**Sơ đồ 1.6: Kế toán chiết khấu thương mại**

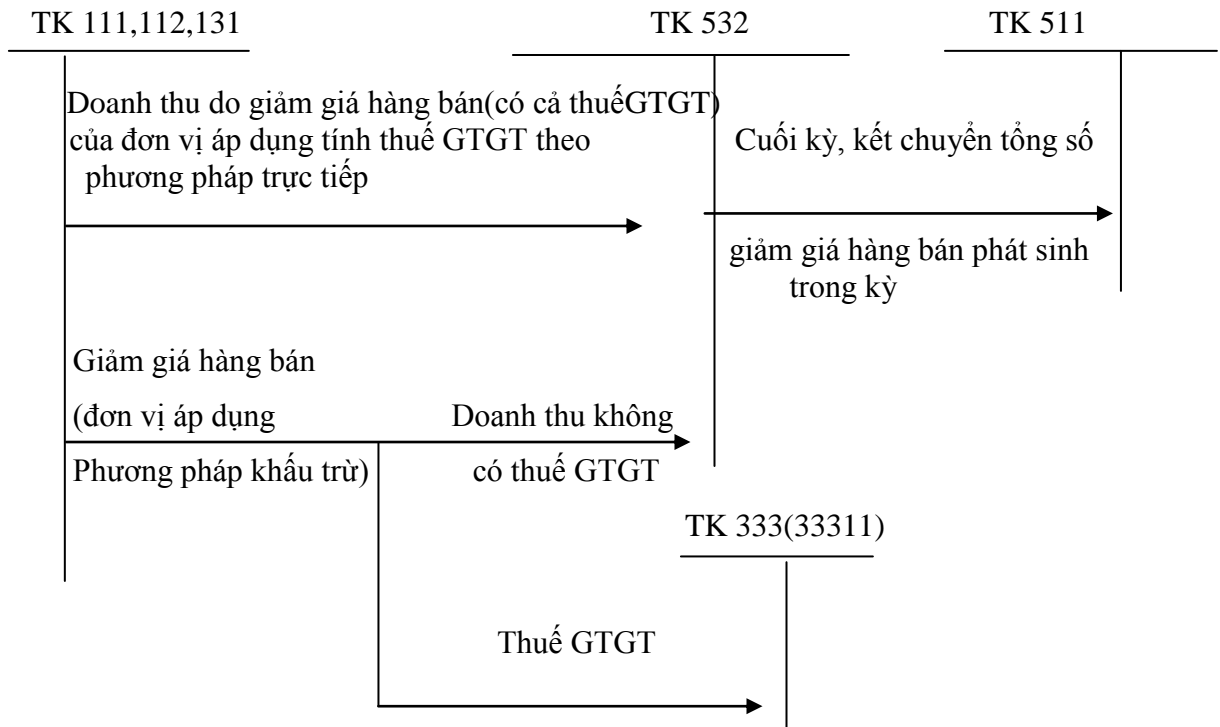


**Sơ đồ 1.7: Kế toán hàng bán bị trả lại**



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### Sơ đồ 1.8: Kế toán giảm giá hàng bán



**1.4.1.4. Tổ chức kế toán Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.**

- Chứng từ sử dụng: Giống phương pháp kê khai thường xuyên
- Tài khoản sử dụng: Các tài khoản đều có kết cấu như phương pháp kê khai thường xuyên, chỉ có TK 632 có kết cấu thay đổi như sau:
  - ✓ Đối với Doanh nghiệp thương mại:

Nợ	TK 632	Có
- Trị giá vốn hàng xuất bán trong kỳ; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá HTK phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước).	<del>X</del>	- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa gửi bán nhưng chưa xác định được là đã bán. - Hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK cuối năm. - K/c giá vốn hàng hóa đã bán vào TK 911.
<b>Tổng số PS Nợ</b>	<del>X</del>	<b>Tổng số PS Có</b>

**TK 632 không có số dư cuối kỳ.**

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

Đối với Doanh nghiệp thương mại, kế toán Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán còn sử dụng thêm TK 611: Mua hàng.

✓ Đối với Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh dịch vụ:

<b>Nợ</b>	<b>TK 632</b>	<b>Có</b>
- Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước); - Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đó hoàn thành.		- K/c giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào TK 155 - Hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK cuối năm - K/c giá vốn thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán vào TK 911.
<b>Tổng số PS Nợ</b>	<del>X</del>	<b>Tổng số PS Có</b>

### **TK 632 không có số dư cuối kỳ.**

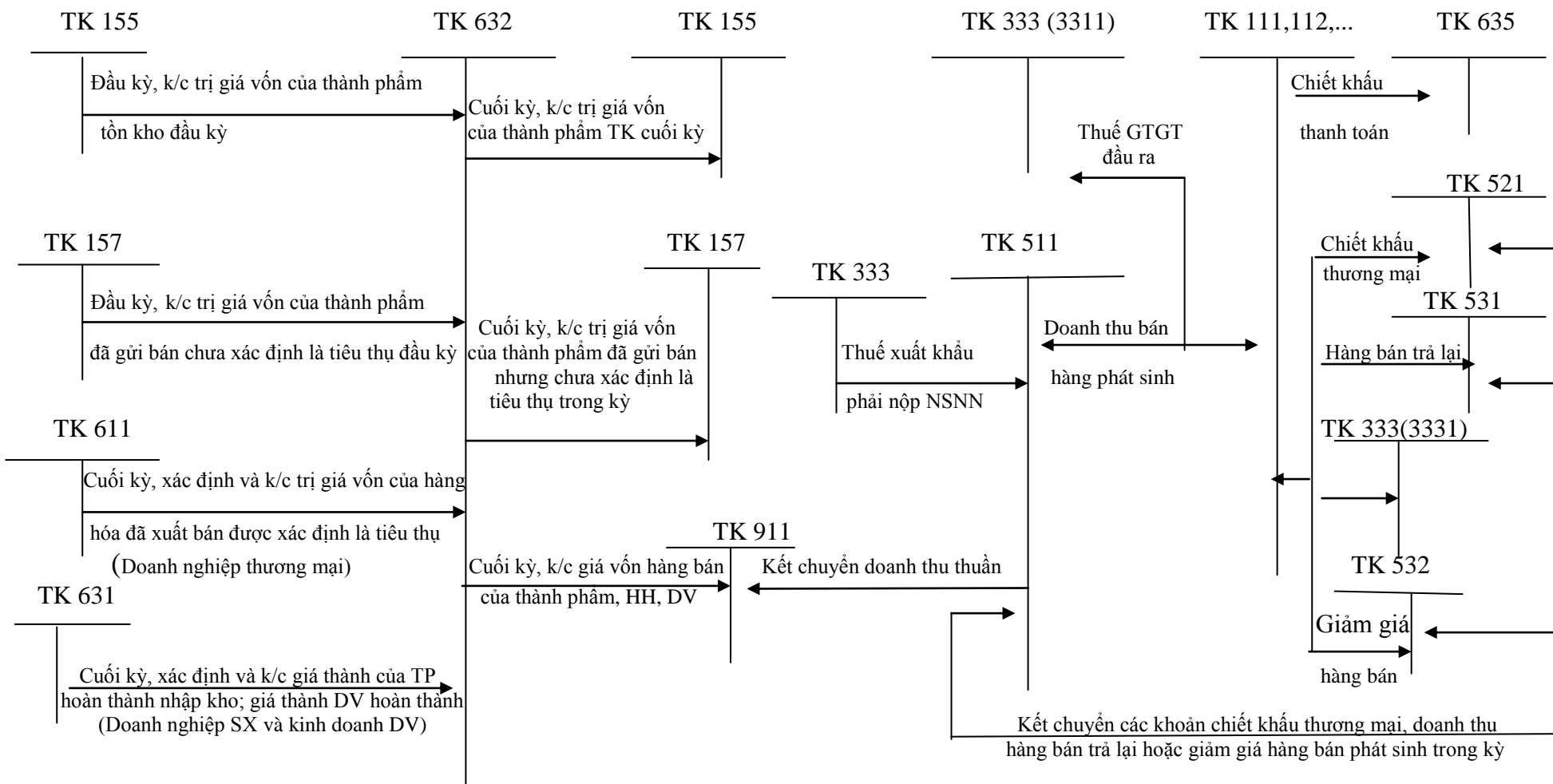
Đối với Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh dịch vụ, kế toán Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán còn sử dụng thêm TK 631: Giá thành sản xuất.

➤ Sơ đồ hạch toán:

Việc hạch toán chỉ khác phương pháp kê khai thường xuyên ở việc xác định giá vốn hàng bán.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán tổng hợp doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh  
(Theo phương pháp kiểm kê định kỳ và đơn vị áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)**



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### ***1.4.1.5. Tổ chức kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp trong doanh nghiệp.***

❖ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu chi, Giấy báo Nợ
- Bảng tính và phân bổ KH
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

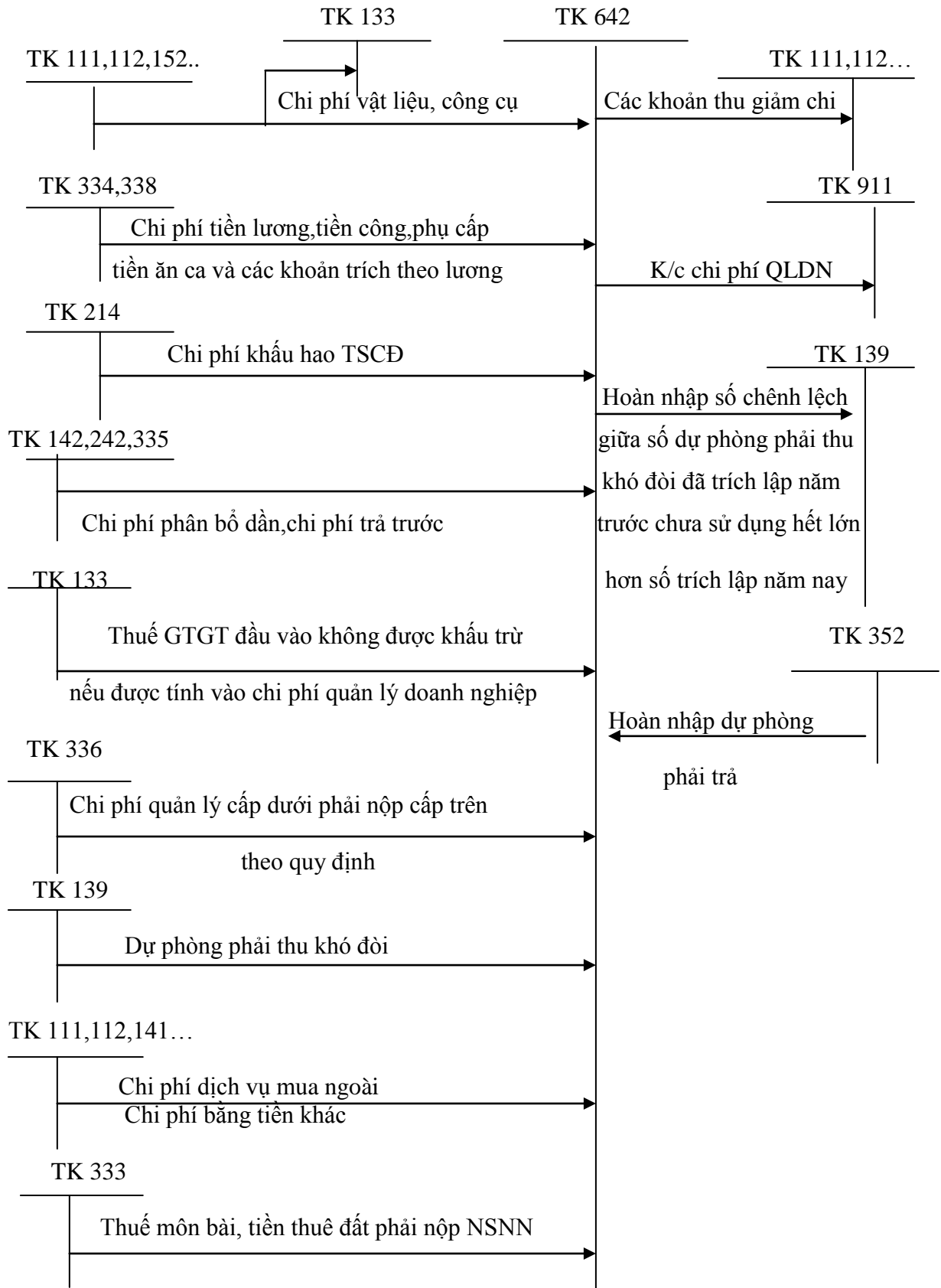
- TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh
- ✓ Các tài khoản cấp 2:
  - + TK6421- Chi phí bán hàng
  - + TK 6422- Chi phí quản lý doanh nghiệp

<b>Nợ</b>	<b>TK 642</b>	<b>Có</b>
- Các chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ; - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả; - Dự phòng trợ cấp mất việc làm.		- Các khoản ghi giảm chi phí kinh doanh trong kì - Kết chuyển chi phí QLDN vào TK 911.
<b>Tổng số PS Nợ</b>		<b>Tổng số PS Có</b>

**TK 642 không có số dư cuối kỳ.**



**Sơ đồ 1.11: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh**



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### **1.4.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí của hoạt động tài chính trong doanh nghiệp.**


❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo Nợ, Giấy báo Có
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng:

➤ TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

✓ Kết cấu tài khoản:


<b>Nợ</b>	<b>TK 515</b>	<b>Có</b>
<ul style="list-style-type: none"><li>- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);</li><li>- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911.</li></ul>		<ul style="list-style-type: none"><li>- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia;</li><li>- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết;</li><li>- Chiết khấu thanh toán được hưởng;</li><li>- Lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động kinh doanh;</li><li>- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ;</li><li>- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;</li><li>- K/c hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư;</li><li>- Doanh thu hoạt động tài chính khác.</li></ul>
<b>Tổng số PS Nợ</b>		<b>Tổng số PS Có</b>

**TK 515 không có số dư cuối kỳ.**

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

➤ TK 635: Chi phí tài chính

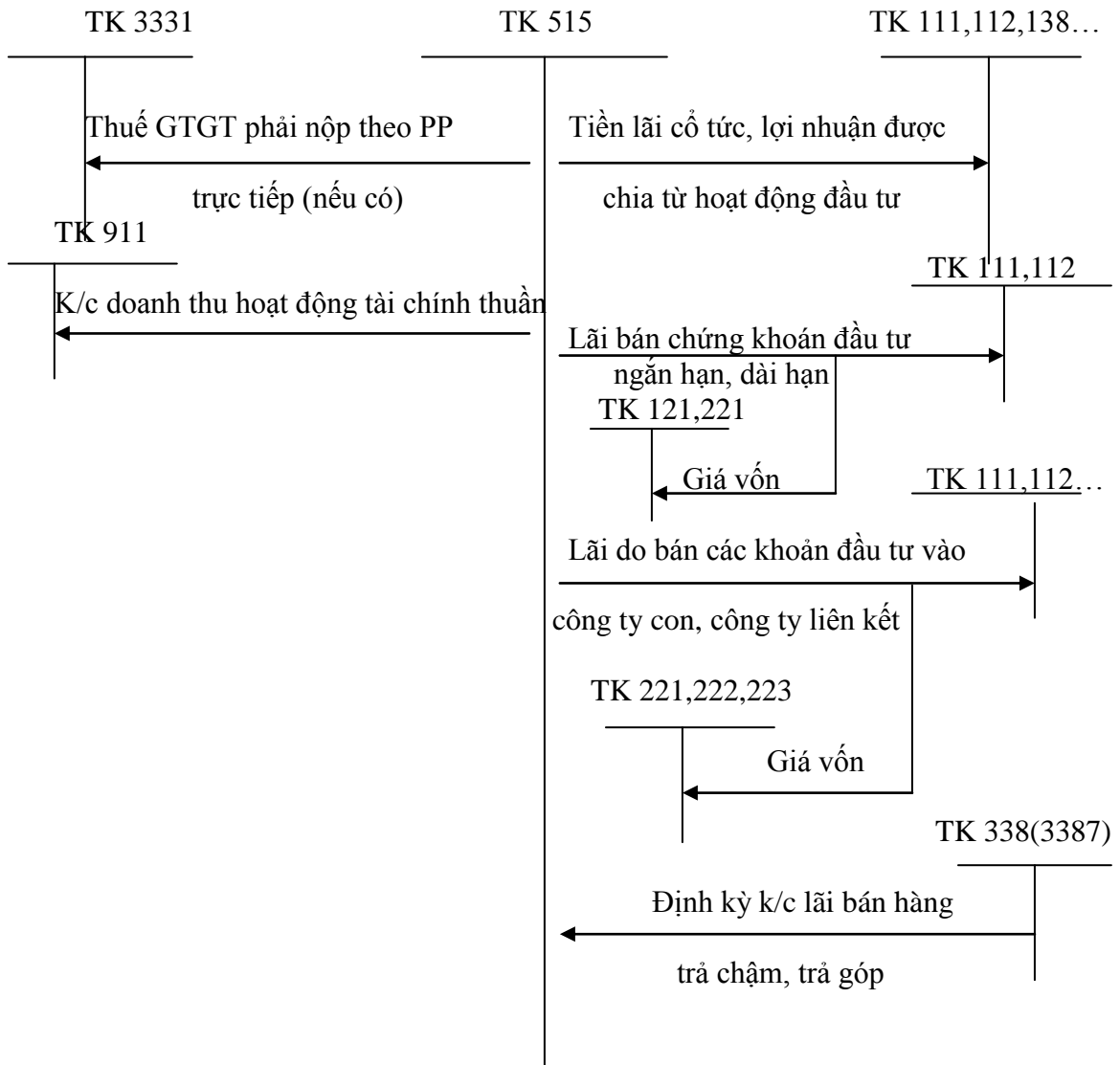
✓ Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 635	Có
<ul style="list-style-type: none"><li>- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;</li><li>- Lỗ bán ngoại tệ;</li><li>- Chiết khấu thanh toán cho người mua;</li><li>- Lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;</li><li>- Lỗ tỷ giá hối đoái của hoạt động kinh doanh;</li><li>- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;</li><li>- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;</li><li>- K/c hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính;</li><li>- Chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.</li></ul>		<ul style="list-style-type: none"><li>- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);</li><li>- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.</li></ul>
<b>Tổng số PS Nợ</b>		<b>Tổng số PS Có</b>

**TK 635 không có số dư cuối kỳ**

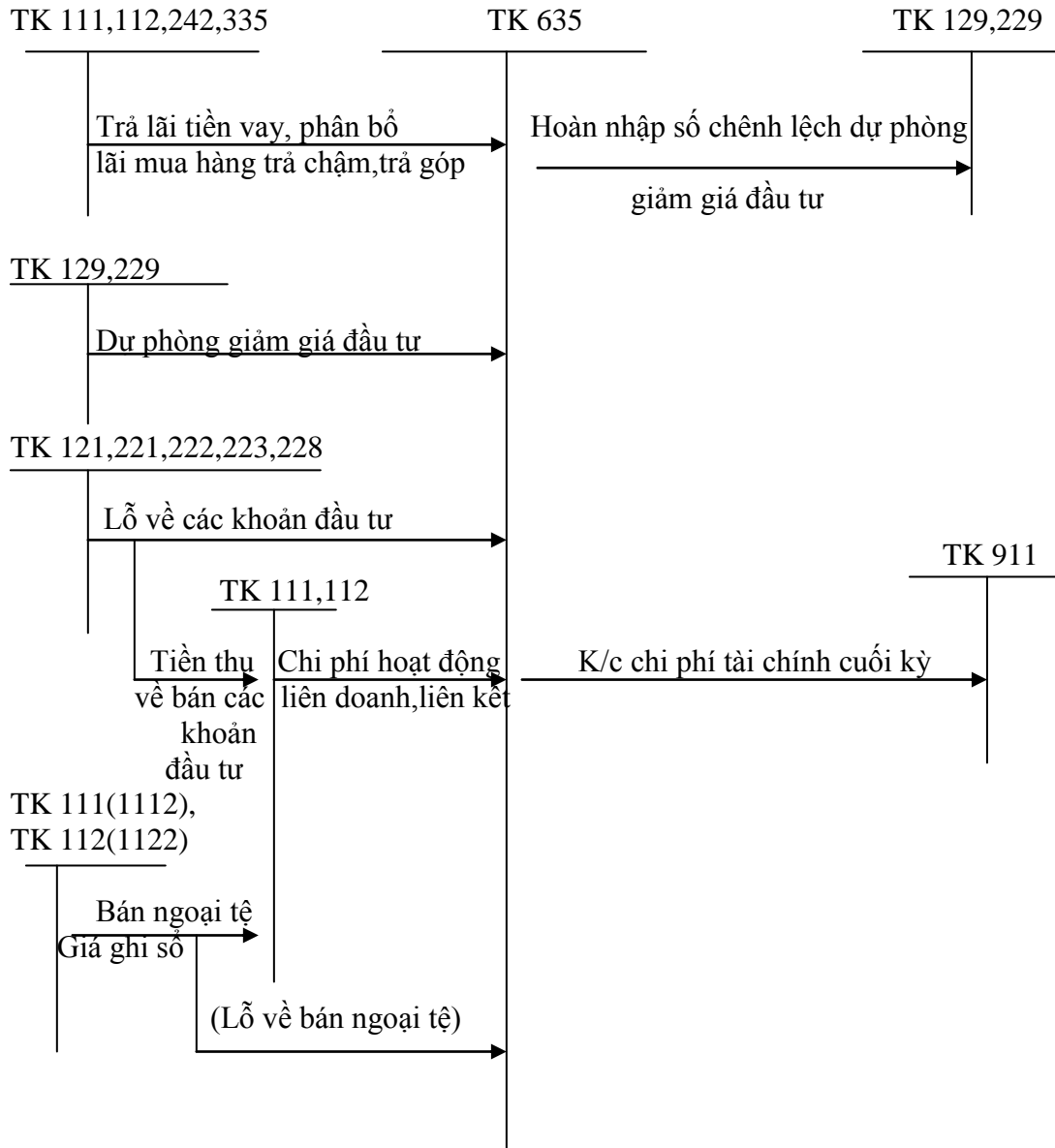
# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Sơ đồ 1.12: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Sơ đồ 1.13: Kế toán chi phí tài chính



## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

### **1.4.3. Tổ chức kế toán thu nhập khác và chi phí khác trong doanh nghiệp.**

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu thu, phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan


❖ Tài khoản sử dụng:

✓ TK 711: Thu nhập khác

• Thu nhập khác gồm:

- + Thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- + Thu tiền phạt do KH vi phạm hợp đồng;
- + Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- + Thuế được NSNN hoàn lại;
- + Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- + Thu nhập quà biếu tặng bằng tiền, hiện vật;
- + Các khoản thu nhập khác.

• Kết cấu tài khoản:

<b>Nợ</b>	<b>TK 711</b>	<b>Có</b>
- Thuế GTGT phải nộp theo PP trực tiếp với khoản TN khác ở DN nộp thuế GTGT tính theo PP trực tiếp. - K/c các khoản thu nhập khác sang TK 911.	- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.	
<b>Tổng số PS Nợ</b>		<b>Tổng số PS Có</b>
		

**TK 711 không có số dư cuối kỳ**

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

✓ TK 811: Chi phí khác

- Chi phí khác bao gồm:

- + Chi phí thanh lý và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán;
- + Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
- + Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;
- + Bị phạt thuế, truy thu thuế;
- + Các khoản chi phí khác.

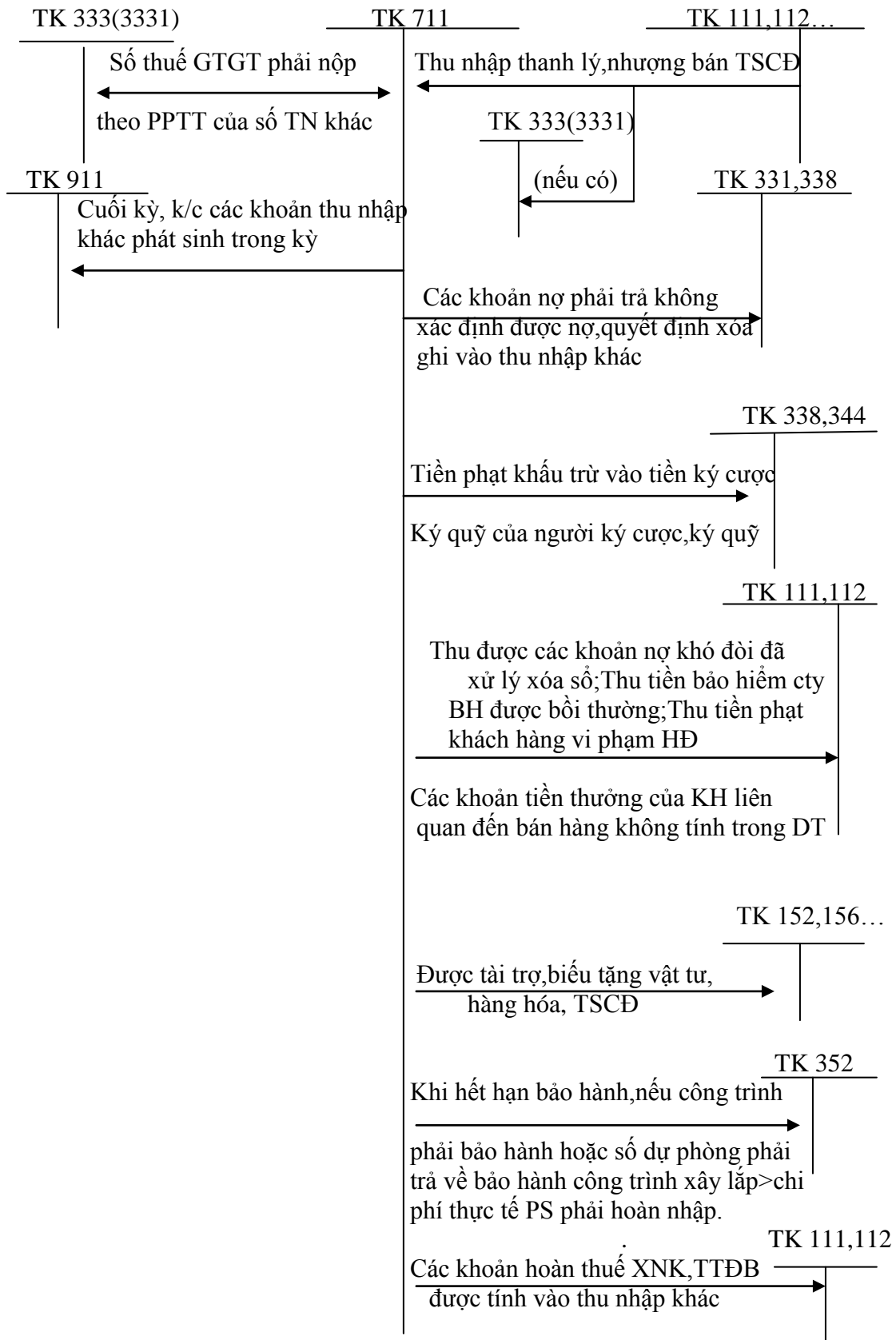
- Kết cấu tài khoản:

<b>Nợ</b>	<b>TK 811</b>	<b>Có</b>
- Các khoản chi phí phát sinh trong kỳ.		- K/c toàn bộ các khoản chi phí vào TK 911.
<b>Tổng số PS Nợ</b>	<b>X</b>	<b>Tổng số PS Có</b>

**TK 811 không có số dư cuối kỳ.**

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

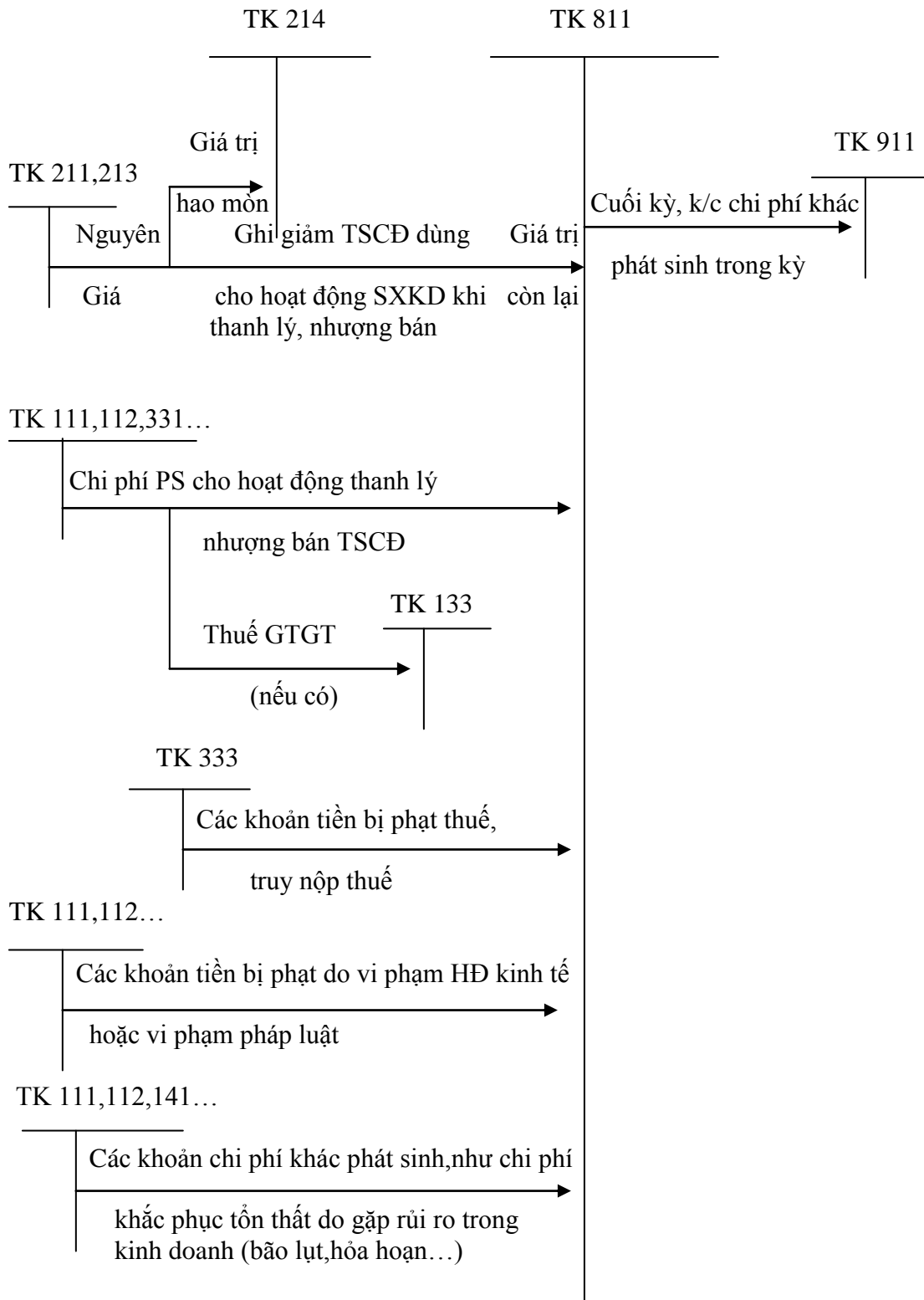
## Sơ đồ 1.14: Kế toán thu nhập khác.





# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Sơ đồ 1.15: Kế toán chi phí khác



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### 1.4.4. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh.

- ❖ Chứng từ sử dụng:
  - Phiếu kế toán
- ❖ Tài khoản sử dụng:
  - TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- ✓ Các tài khoản cấp 2:
  - + Tài khoản 8211- Chi phí thuế TNDN hiện hành;
  - + TK 8212- Chi phí thuế TNDN hoãn lại
- ✓ Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 821	Có
<ul style="list-style-type: none"><li>- Chi phí thuế TNDN hiện hành PS trong năm;</li><li>- Thuế TNDN hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu;</li><li>- Chi phí thuế TNDN hoãn lại PS trong năm từ việc ghi nhận thuế TN hoãn lại phải trả;</li><li>- Ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại;</li><li>- K/c chênh lệch giữa số phát sinh Có TK 8212 lớn hơn số PS bên Nợ TK 8212 vào bên Có TK 911.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TN hiện hành đã ghi nhận trong năm;</li><li>- Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm hiện tại;</li><li>- Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại.</li><li>- K/c số chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm vào TK 911;</li><li>- K/c số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên Có TK 8212.</li></ul>	
<b>Tổng số PS Nợ</b>	<b>Tổng số PS Có</b>	

TK 821 không có số dư cuối kỳ.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

➤ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

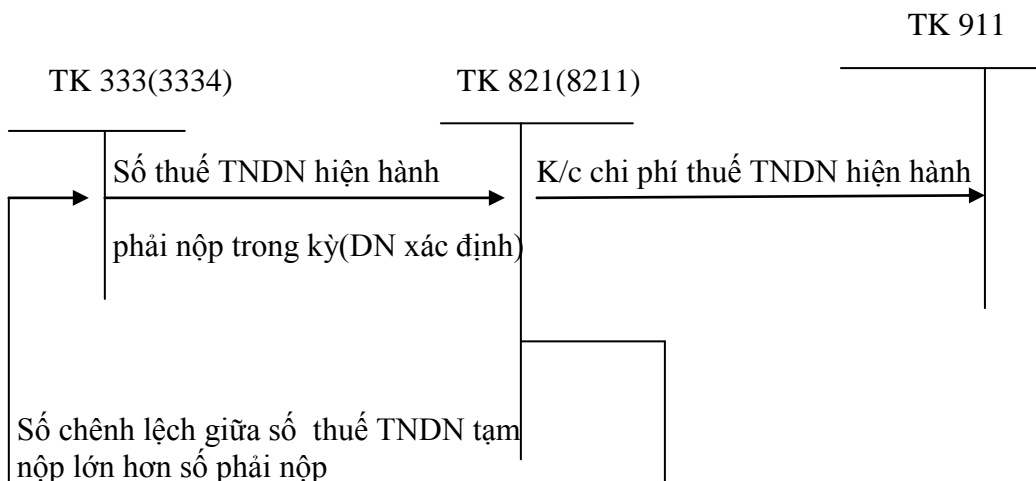
✓ Kết cấu Tài khoản:

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;</li> <li>- Chi phí tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác;</li> <li>- Chi phí bán hàng và chi phí QLDN;</li> <li>- Kết chuyển lãi.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu thuần về số SP, HH, bất động sản đầu tư và DV đã bán trong kỳ;</li> <li>- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN;</li> <li>- Kết chuyển lỗ.</li> </ul>	
<b>Tổng số PS Nợ</b>	X	<b>Tổng số PS Có</b>

**TK 911 không có số dư cuối kỳ.**

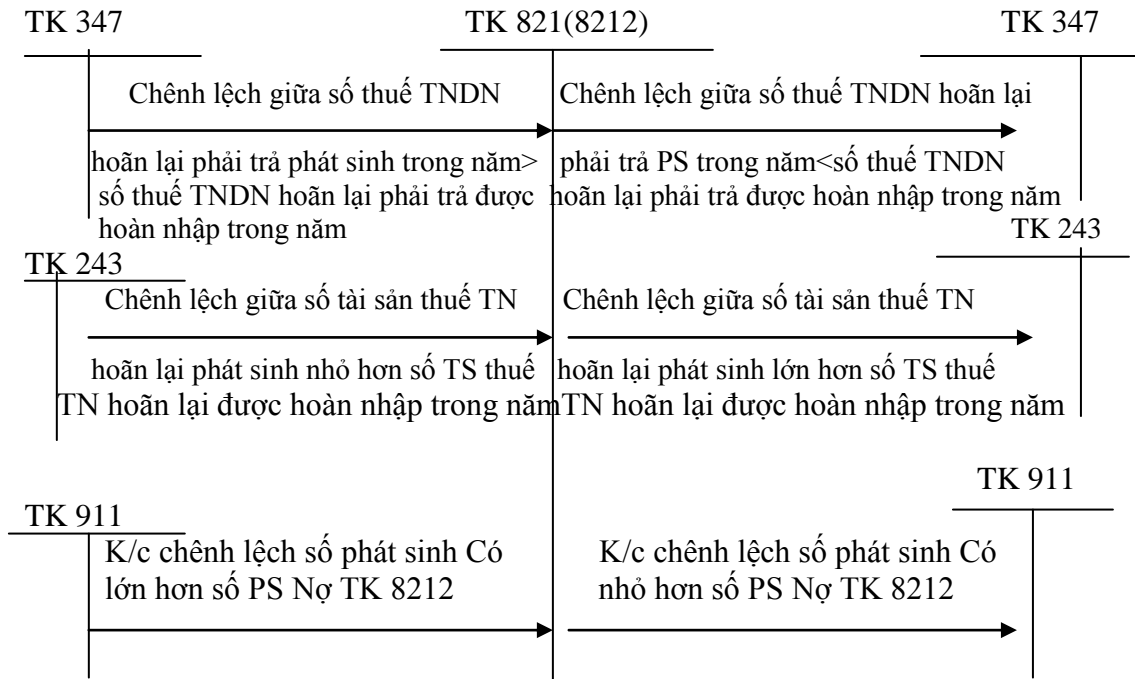
❖ Sơ đồ hạch toán:

**Sơ đồ 1.16: Kế toán chi phí thuế TNDN hiện hành**

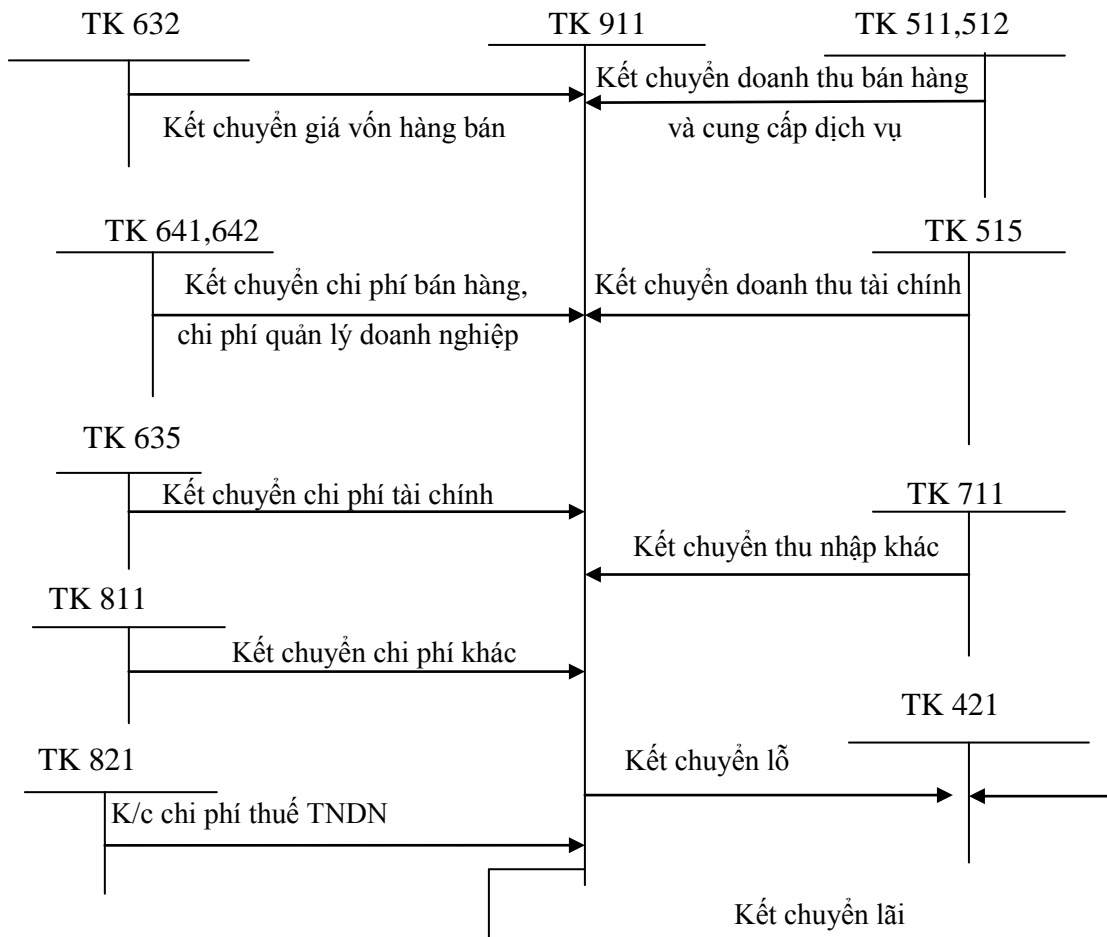


## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### Sơ đồ 1.17: Kế toán chi phí thuế TNDN hoãn lại



### Sơ đồ 1.18: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



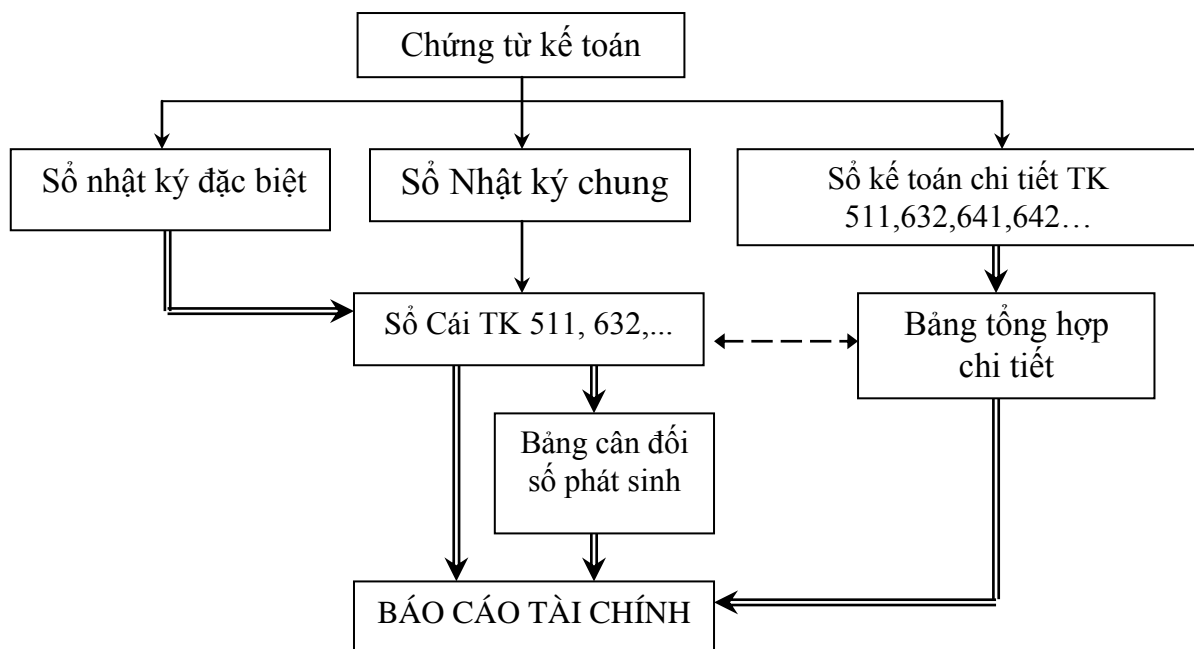
## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### 1.5. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

#### 1.5.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.

- Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ NKC, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký chung để ghi sổ cái cho từng nghiệp vụ phát sinh.
- Các loại sổ chủ yếu:
  - Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt
  - Sổ cái
  - Các sổ kế toán chi tiết

**Sơ đồ 1.19: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung**

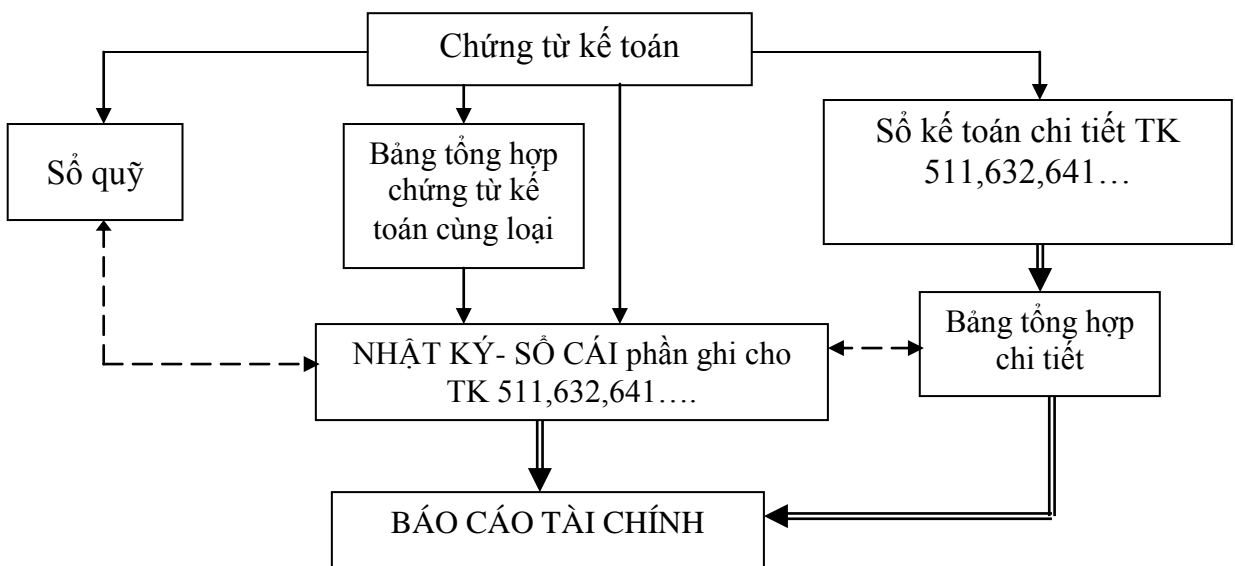


- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
  - ⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
  - ↔ Đối chiếu, kiểm tra

**1.5.2. Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái.**

- ❖ Đặc trưng cơ bản: Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ vào sổ Nhật ký - Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.
- ❖ Các loại sổ chủ yếu:
  - Nhật ký, sổ cái
  - Các sổ kế toán chi tiết

**Sơ đồ 1.20: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký-Sổ cái**

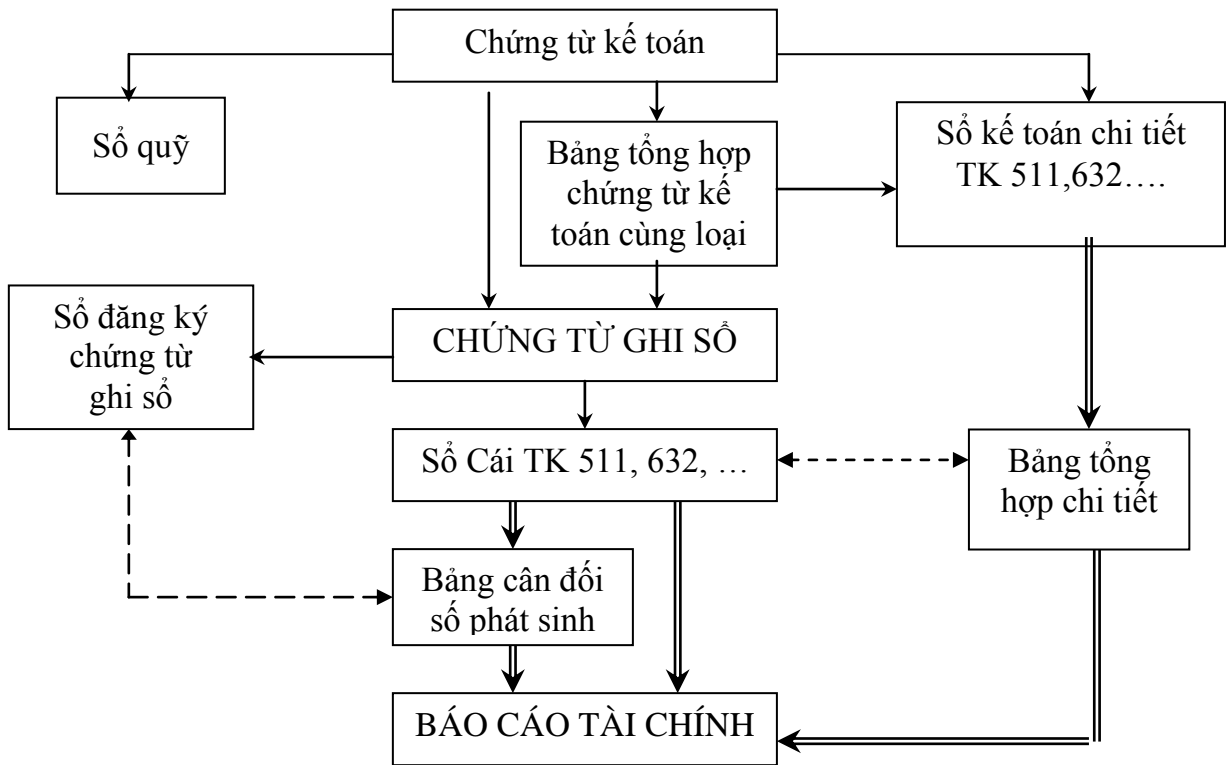


- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
  - ⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
  - ↔ Đối chiếu, kiểm tra

**1.5.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**

- ❖ Đặc trưng cơ bản: Căn cứ để ghi sổ kế toán tổng hợp là “ Chứng từ ghi sổ”.
- ❖ Các loại sổ chủ yếu:
  - Chứng từ ghi sổ
  - Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
  - Sổ cái
  - Các sổ kế toán chi tiết

**Sơ đồ 1.21: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**

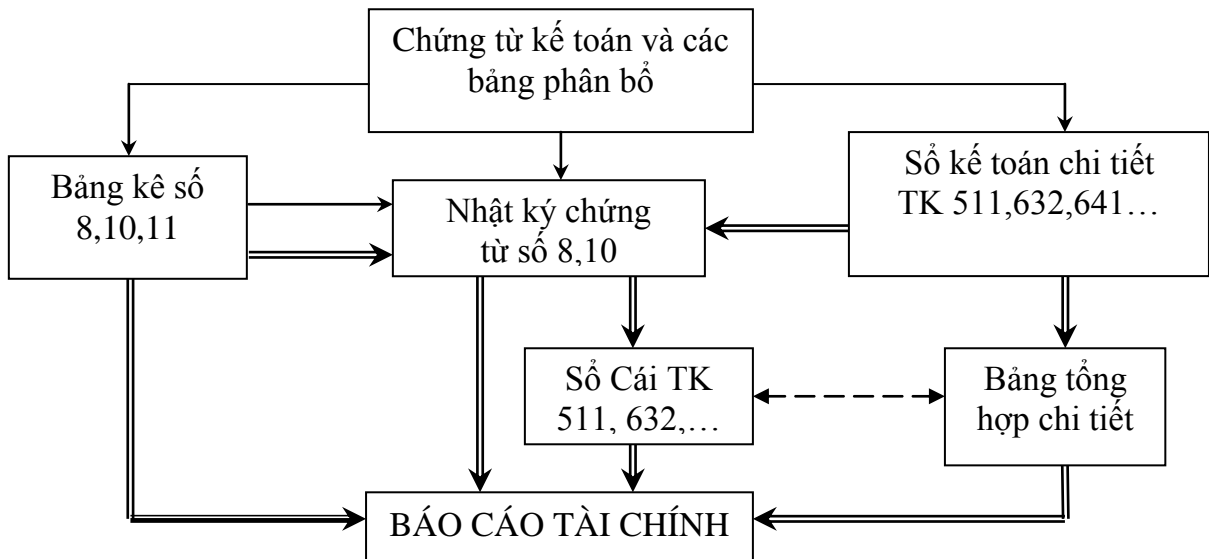


- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
  - ⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
  - ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

#### 1.5.4. Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ

- ❖ Đặc trưng cơ bản: Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.
- ❖ Các loại sổ chủ yếu:
  - + Nhật ký chứng từ
  - + Bảng kê
  - + Sổ cái
  - + Sổ kế toán chi tiết

**Sơ đồ 1.22: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký-Chứng từ**

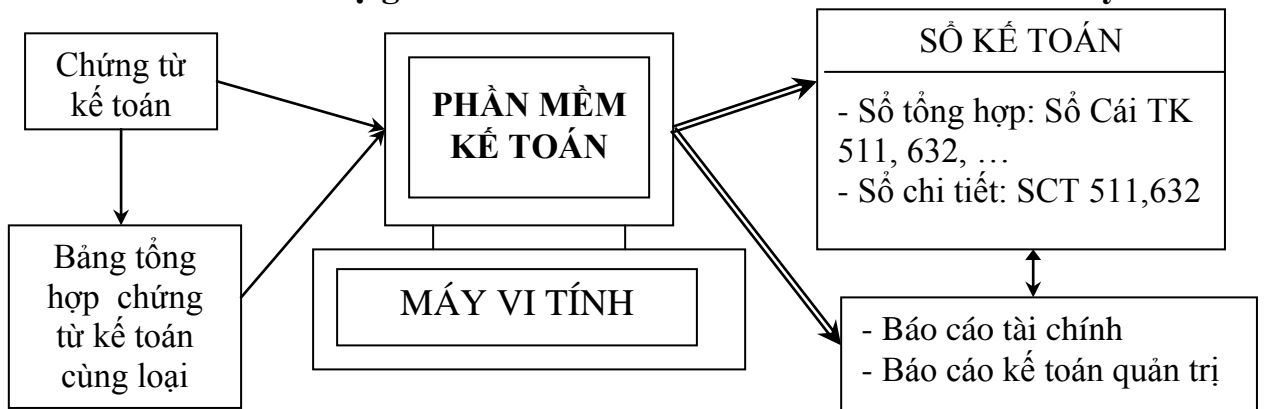


- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
  - ⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
  - ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

**1.5.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính**

- ❖ Đặc trưng cơ bản: Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán trên.
- ❖ Các loại sổ chủ yếu: Phần mềm kế toán được thiết lập theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức đó.

**Sơ đồ 1.23: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính**



- Ghi chú**
- Nhập số liệu hàng ngày
  - ⇒ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
  - ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## CHƯƠNG 2:

### THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CHUNG HẰNG.

#### 2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH TM Chung Hằng.

##### 2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH TM Chung Hằng.

Tên Công ty viết bằng tiếng việt: Công ty TNHH thương mại Chung Hằng

Tên công ty giao dịch bằng tiếng anh: Chung Hang tradinh company limited

Tên công ty viết tắt: Chung Hang tradinh co.,ltd

Địa chỉ trụ sở chính: Số 888 Tôn Đức Thắng, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

Điện thoại: 031.3527176

Fax: 031.6252626

Mã số thuế: 0200655677

Vốn điều lệ: 1.900.000.000

Công ty TNHH thương mại Chung Hằng là Công ty TNHH 2 thành viên

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Giám đốc **Vương Thành Chung**

Số TT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (đồng)	Phần vốn góp (%)	Ghi chú
1	Vương Thành Chung	Xóm Nam Sơn, xã Hồng Kỳ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội	1.330.000.000	70	
2	Đình Thị Thu hằng	Số 892 Tôn Đức Thắng, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, Hải Phòng	570.000.000	30	

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh sơn, bột bả tường, gạch men, thiết bị vệ sinh; Kinh doanh vận tải hàng hóa thủy, bộ; Kinh doanh hàng điện máy, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng; Sản xuất, đại lý, kinh doanh vật liệu xây dựng; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa và dịch vụ xuất nhập khẩu; Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng; Trang trí nội thất, ngoại thất.

<b>STT</b>	<b>Tên ngành</b>	<b>Mã ngành</b>
1	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
2	Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	49321
3	Khách sạn	55101
4	Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống	56101
5	Nhà khách, nhà nghỉ, kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	55103
6	Bán ô tô và xe có động cơ khác	451
7	Bán phụ tùng và bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
8	Cho thuê xe có động cơ	7710

Giấy phép kinh doanh số 0202003145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2005, cấp sửa đổi lần 2 ngày 25 tháng 06 năm 2008.

### **2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH TM Chung Hằng.**

Hiện nay ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sơn và bột bả tường, hình thức kinh doanh là kinh doanh thương mại: Công ty nhập hàng về từ cơ sở sản xuất gốc rồi xuất bán lại cho các đơn vị cần dùng như đơn vị thi công công trình, người dân.... Dưới hình thức bán buôn và bán lẻ. Trong những năm gần đây, ngành xây dựng cũng khá phát triển, nhu cầu về nhà ở tăng... vì vậy hoạt động kinh doanh của Công ty cũng khá phát triển. Ngoài ra, hiện nay ở khu vực nông thôn đang chuyển sang xu hướng sơn, bả tường thay thế việc quét vôi tường đã tạo điều kiện tốt cho doanh nghiệp phát triển. Chính vì vậy, mặc dù năm 2008 nền kinh tế thế giới bị khủng hoảng nhưng doanh nghiệp vẫn hoạt động khá tốt và vẫn tạo ra lợi nhuận.

### **2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH TM Chung Hằng.**

Cơ cấu tổ chức của công ty được xây dựng theo mô hình trực tuyến chức năng, chỉ đạo thống nhất từ trên xuống dưới.

Chức năng, nhiệm vụ của mỗi bộ phận như sau:

#### **❖ Giám đốc:**

- Là người đại diện theo pháp luật của công ty
- Chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo chung đối với Công ty về các vấn đề như: công tác quy hoạch, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tổ chức cán bộ.....
- Giám đốc có nhiệm vụ, quyền hạn cao nhất trong Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.

#### **❖ Phòng Kế toán Tài vụ:**

- Thực hiện các hoạt động quản lý nguồn vốn, thực hiện các chế độ chính sách kế toán tài chính theo quy định của chế độ.
- Phân tích đánh giá tình hình tài chính hiện tại của Công ty, đồng thời cân đối thu chi, lập dự toán trong tương lai các vấn đề về tài chính nhằm tham mưu cho Ban Giám đốc đưa ra các quyết định về tài chính.
- Kiểm tra việc kiểm kê định kỳ hàng năm để quản lý điều hành và phục vụ quyết toán tài chính, lập các báo cáo cuối năm phục vụ nhu cầu quản lý của Công ty.

### **❖ Phòng kế hoạch**

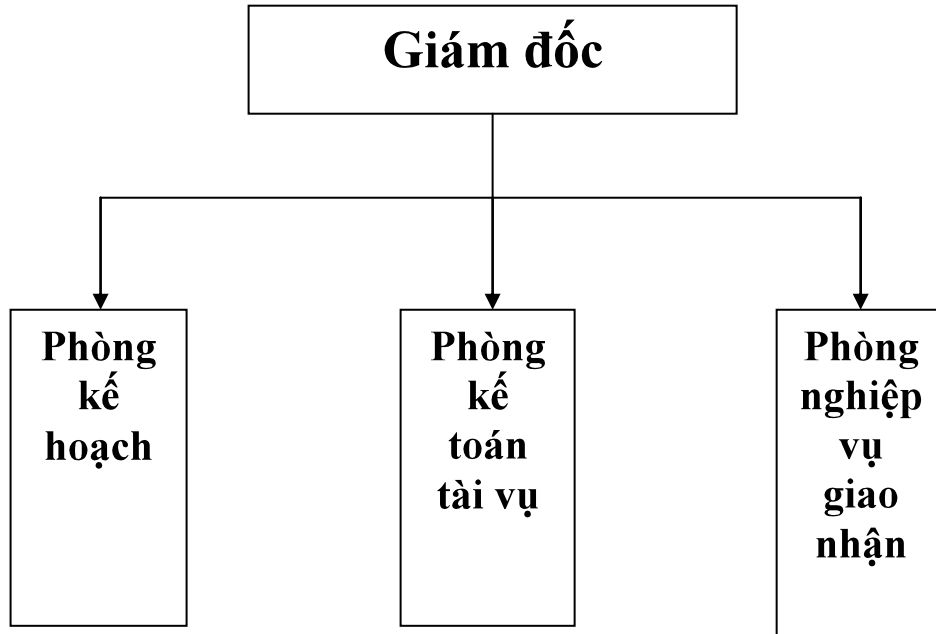
- Tham mưu cho giám đốc về việc quản lý, công tác tổ chức nhân sự của công ty.
- Thảo các công văn giấy tờ theo lệnh của giám đốc; tiếp nhận các công văn giấy tờ từ nơi khác gửi đến. Bảo quản các giấy tờ tài liệu
- Chịu trách nhiệm tiếp khách và tổ chức Hội nghị trong Công ty.
- Thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, các chế độ quy định về tiền lương, thưởng cho CBCNV, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.
- Tìm hiểu, phân tích các thông tin về thị trường đầu ra, đầu vào báo cáo giám đốc để giám đốc có phương hướng, quyết định điều chỉnh những yếu tố có liên quan đến sản phẩm của Công ty.
- Chịu trách nhiệm trong việc quảng cáo, tiếp thị sản phẩm. Làm nhiệm vụ tham mưu giúp cho Ban giám đốc trong việc lập kế hoạch kinh doanh, tổ chức công tác tiêu thụ sản phẩm.

### **❖ Phòng nghiệp vụ giao nhận:**

- Có nhiệm vụ làm các thủ tục nhập xuất hàng hóa, thuê phương tiện vận tải để vận chuyển theo đúng kế hoạch và thời gian.
- Cung ứng sản phẩm, hàng hóa đảm bảo cả về số lượng, chất lượng cũng như giá cả.

Cơ cấu tổ chức của Công ty được khái quát theo sơ đồ sau:

*Sơ đồ cơ cấu tổ chức của công ty TNHH thương mại Chung Hằng*

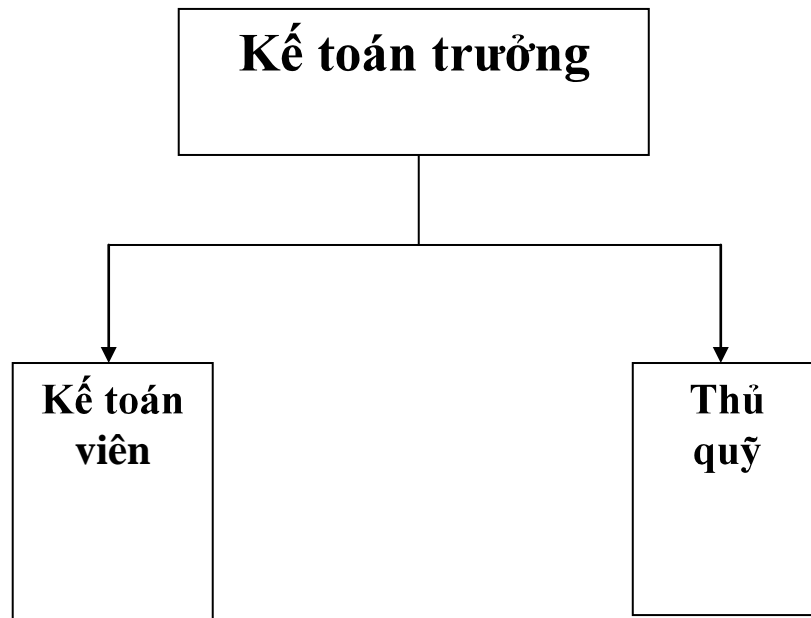


**Sơ đồ 01: cơ cấu tổ chức quản lý công ty**

**2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH TM Chung Hằng.**

**2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH TM Chung Hằng.**

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo hình thức tập trung và được thực hiện tại Phòng kế toán Tài vụ



**Sơ đồ 02: sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán**

**Chức năng, nhiệm vụ của từng người trong bộ máy kế toán:**

**❖ Kế toán trưởng:**

- Phụ trách, chỉ đạo toàn diện công tác kế toán của Công ty.
- Là kiểm soát viên kinh tế tài chính.
- Phân tích, cung cấp thông tin kinh tế tài chính cho Ban lãnh đạo Công ty, là người chịu trách nhiệm chính cao nhất trước giám đốc và pháp luật về những số liệu báo cáo kế toán.
- Kế toán trưởng kiêm chức trưởng phòng kế toán tài vụ và kế toán tổng hợp: xác định kết quả kinh doanh, lập báo cáo tài chính.....

**❖ Kế toán viên:**

- Phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày trong Công ty, cụ thể:
- Theo dõi tình hình thu, chi tiền mặt .
  - Theo dõi các khoản phải thu, phải trả và tình hình thanh toán các khoản công nợ của Công ty.
  - Theo dõi, quản lý và trích khấu hao tài sản cố định của doanh nghiệp.

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

- Lập bảng chấm công cho cán bộ công nhân viên và hàng tháng căn cứ vào bảng chấm công, đơn giá ngày công tính thu nhập cho từng người.

- Lập bảng thanh toán tiền lương.

### **❖ Thủ quỹ:**

- Chịu trách nhiệm thực hiện và theo dõi các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến thu, chi tiền mặt.

- Quản lý, bảo quản tiền mặt.

- Kiểm kê, lập sổ quỹ theo quy định.

- Bảo quản, lưu trữ các chứng từ gốc, cung cấp dữ liệu cho kế toán thanh toán ghi sổ.

### **2.1.4.2. Hình thức kế toán, chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty TNHH TM Chung Hằng.**

Công ty TNHH thương mại Chung Hằng áp dụng chế độ kế toán ban hành theo quyết định số: 48/2006/QĐ - BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Hiện nay, Công ty đang áp dụng:

- Phương pháp kế toán hàng tồn kho theo *phương pháp kê khai thường xuyên*.

- Nộp thuế GTGT theo *phương pháp khấu trừ*.

- Tính giá trị hàng xuất kho theo *phương pháp nhập trước - xuất trước*

Về tài sản cố định, Công ty trích khấu hao TSCĐ theo *phương pháp đường thẳng*.

Về ngoại tệ, Công ty sử dụng *tỷ giá thực tế trong hạch toán kế toán*.

### **2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Chung Hằng.**

#### **2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ**

##### **❖ Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT

- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, Giấy báo Có...

- Các chứng từ liên quan khác.

##### **❖ Tài khoản sử dụng:**

➤ TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

✓ Các TK cấp 2:

+ TK 5111 : Doanh thu bán hàng hóa

✓ Các TK cấp 3:

+TK 51111: Doanh thu bán hàng hóa nội địa

❖ **Phương thức bán hàng:** Phương thức bán hàng trực tiếp.

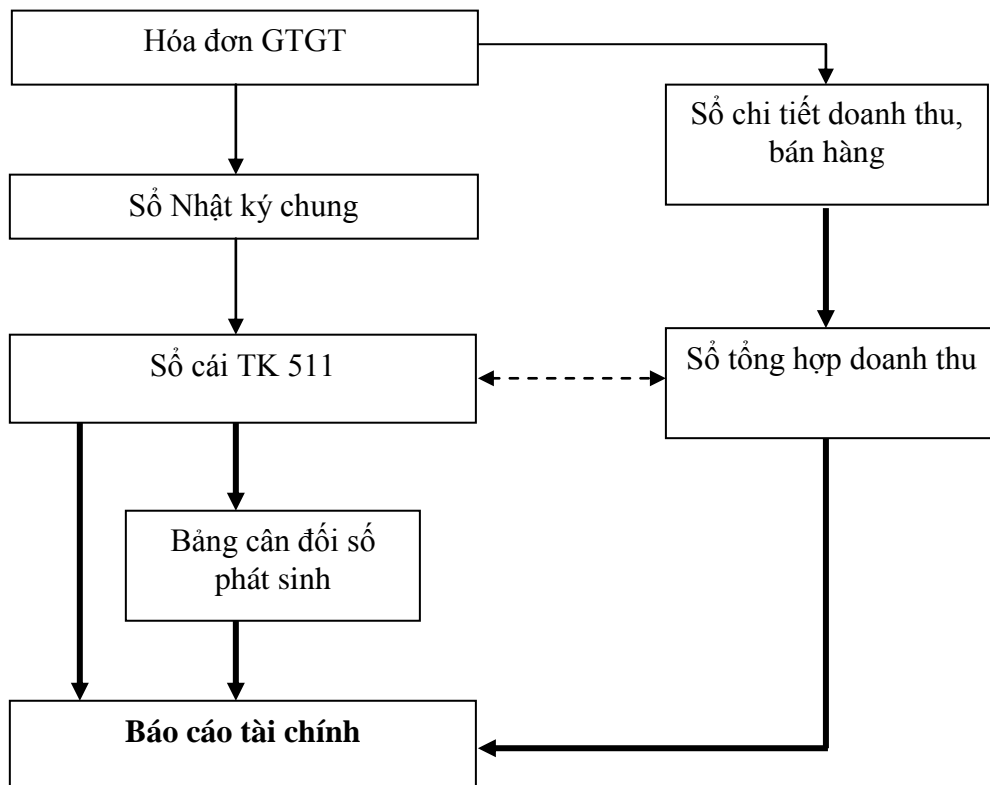
❖ **Hình thức thanh toán :**

- Chưa thanh toán.

- Tiền mặt.

- Chuyển khoản.

❖ **Trình tự hạch toán doanh thu:**



Ghi chú:

→ Ghi hàng ngày

→ Ghi định kỳ

←---> Đối chiếu, kiểm tra



Căn cứ vào các chứng từ gốc, hàng ngày kế toán phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ nhật kí chung và sổ chi tiết doanh thu bán hàng. Cuối tháng dựa vào sổ nhật kí chung kế toán tiến hành vào sổ cái tài khoản doanh thu và dựa vào các sổ chi tiết doanh thu kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết. Sau đó so sánh số liệu giữa sổ cái và sổ tổng hợp chi tiết. Cuối kì kế toán cộng số liệu trên sổ cái và sổ tổng hợp để lập bảng cân đối phát sinh, báo cáo tài chính

❖ **Ví dụ minh họa:**

Ngày 01/12/2011, xuất kho hàng hóa bán cho công ty TNHH đầu tư và TM Thanh Sơn tổng giá thanh toán 19.809.300 (thuế GTGT 10%). Khách hàng đã thanh toán bằng tiền mặt.

❖ **Ví dụ minh họa:**

Ngày 06/12/2011, xuất kho hàng hóa bán cho công ty CPTM Hải Đà tổng giá thanh toán 551.216.000 (thuế GTGT 10%). Khách hàng chưa thanh toán

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 01: Hoá đơn giá trị gia tăng số 0000035

<b>HOÁ ĐƠN</b>			Mẫu số: 01GTKT3/001		
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			Ký hiệu: AA/11P		
Liên 3: Nội bộ			0000035		
Ngày 01 tháng 12 năm 2011					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thương Mại Chung Hằng					
Mã số thuế :0200655677.....					
Địa chỉ: Số 888 Tôn Đức Thắng, P. Sở Dầu, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng .....					
Điện thoại: 0313.527176			Fax:0316.252626		
Họ tên người mua hàng: .....					
Tên đơn vị: Công Ty TNHH Đầu Tư và TM Thanh Sơn .....					
Mã số thuế:0200656415 .....					
Địa chỉ:.....					
Hình thức thanh toán: .....Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Son Expo satin 6+1 Forint3.6l	Thùng	13	1.305.000	16.965.000
2	Son Expo Satin6+1 Forint8.75l	Thùng	6	63.000	378.000
3	Son Expo Satin 6+1 Forint 822l	Thùng	12	60.000	720.000
Cộng tiền hàng					18.063.000
Thuế GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT		1.806.300	
Tổng cộng tiền thanh toán					19.809.300
Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu tám trăm linh chín nghìn ba trăm đồng chẵn					
Người mua hàng ( Ký, ghi rõ họ tên)			Người bán hàng ( Ký, ghi rõ họ tên)		
( Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)					

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### Biểu số 02: Hoá đơn giá trị gia tăng số 0000041

<b>HOÁ ĐƠN</b>			Mẫu số: 01GTKT3/001		
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			Ký hiệu: AA/11P		
Liên 3: Nội bộ			0000041		
Ngày 06 tháng 12 năm 2011					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thương Mại Chung Hằng					
Mã số thuế :0200655677 .....					
Địa chỉ: Số 888 Tôn Đức Thắng, P. Sở Dầu, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng .....					
Điện thoại: 0313.527176			Fax:0316.252626		
Họ tên người mua hàng: .....					
Tên đơn vị: Công Ty CPTM Hải Đà .....					
Mã số thuế: 0200567942 .....					
Địa chỉ: Đông Hải- Hải An- Hải Phòng .....					
Hình thức thanh toán: .....Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Sơn Expo satin 6+1 Forint 18 l	Thùng	05	970.000	92.150.000
2	Sơn Expo Satin 6+1 18l	Thùng	16	1.400.000	22.400.000
3	Sơn Expo Satin 6+1 Forint 18l	Thùng	76	1.070.000	81.776.00
4	BB my kolor int& Ext 10kg	Bao	700	245.000	171.500.000
5	Sơn Satin Expo 6+1 3,6l	Thùng	112	1.190.000	133.280.000
Cộng tiền hàng					501.106.000
Thuế GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT		50.101.600	
Tổng cộng tiền thanh toán					551.216.600
Số tiền viết bằng chữ: Năm trăm năm một triệu hai trăm mmười sáu nghìn sáu trăm đồng chẵn					
Người mua hàng ( Ký, ghi rõ họ tên)			Người bán hàng ( Ký, ghi rõ họ tên)		
( Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)					

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 03: Sổ Nhật ký chung

**CÔNG TY TNHH TM Chung Hằng**  
Số 888 Tôn Đức Thắng - Sở Dầu - HB - HP

### **SỔ NHẬT KÝ CHUNG** Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị: đồng

Ngày, tháng ghi sổ	chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
			.....			
01/12/11	PX 02, HĐ0000 035	01/12/11	Xuất kho hàng hóa bán cho công ty TNHH ĐT và TM Thanh Sơn	632	17.962.000	
				156		17.962.000
				111	19.809.300	
				511		18.063.000
				3331		1.806.000
			.....			
06/12/11	PX 08, HĐ0000 041	06/12/11	Xuất kho hàng hóa bán cho công ty CPTM Hải Đà	632	495.104.000	
				156		495.104.000
				131	551.216.600	
				511		501.106.000
				3331		50.110.600
08/12/11	HĐ2925 362, PC08	08/12/11	Chi tiền mặt thanh toán cước điện thoại	642	2.547.852	
				133	108.692	
				111		2.656.544
08/12/11	HĐ0058 996, PC 09	08/12/11	Thanh toán tiền mua hàng	156	12.029.500	
				133	1.202.950	
				111		13.232.450
			<b>Cộng cuối tháng</b>		<b>70.090.351.741</b>	<b>70.090.351.741</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Kê toán trưởng

Giám đốc

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 04: Sổ Cái TK 511

Công ty TNHH thương mại Chung Hằng  
Số 888 Tôn Đức Thắng - Sở Dầu - HB - HP

### SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tháng 12 năm 2011

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ  
Số hiệu: 511

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi số	chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng			
			Số phát sinh trong tháng			
			.....			
01/12/11	HĐ0000035	01/12/11	Xuất kho hàng hóa bán thu tiền mặt	111		18.063.000
			.....			
06/12/11	HĐ0000041	06/12/11	Bán hàng hóa chưa thu tiền	131		501,106.000
14/12/11	HĐ0000051	14/12/11	Xuất bán công ty Ngọc Việt	111		6.561.005
31/12/11	PKT 83	31/12/11	Kết chuyển	911	662.156.996	
			Cộng phát sinh		<b>662.156.996</b>	<b>662.156.996</b>
			Số dư cuối tháng			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

**2.2.2: Kế toán giá vốn hàng bán**

➤ ***Chứng từ sử dụng:***

- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT)
- Vận đơn

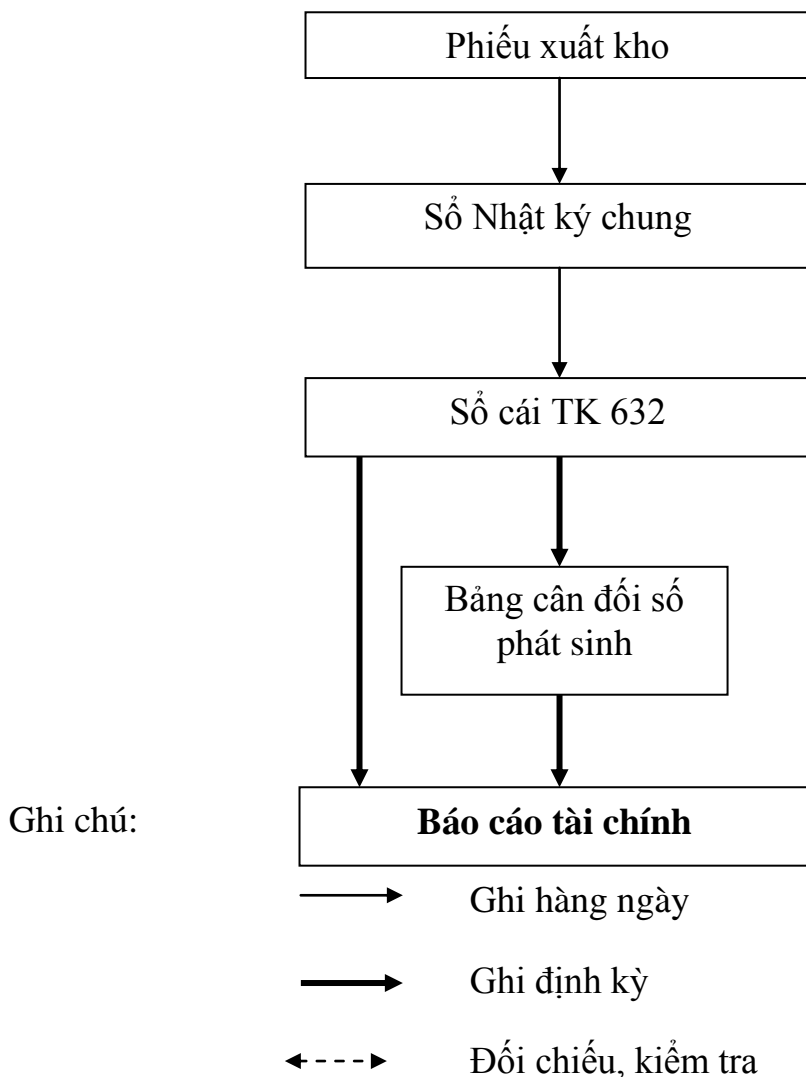
➤ ***Tài khoản sử dụng:***

- TK 632: giá vốn hàng bán
- TK 156: hàng hóa
- TK 511: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 911: xác định kết quả kinh doanh

Đồng thời kế toán sử dụng các tài khoản có liên quan như: TK 111, TK 112, TK 131, TK 333

➤ ***Sổ sách sử dụng:***

- Nhật ký chung
- Sổ chi tiết
- Sổ cái TK632



Căn cứ vào phiếu xuất kho, kế toán ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung. Hàng tháng kế toán dựa trên sổ Nhật ký chung để vào sổ cái TK 632. Cuối năm tài chính, từ các sổ cái kế toán lập bảng cân đối số phát sinh và lập báo cáo tài chính.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Công ty TNHH thương mại Chung Hằng  
Số 888 Tôn Đức Thắng - Sở Dầu - HB - HP

Mẫu số  
Theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC  
Ngày 14/09/2006 của BTC

### PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 01 tháng 12 năm 2011

*Số 02*

*TK nợ: 632*

*TK có: 156*

Họ và tên người nhận hàng: ..... Địa chỉ(bộ phận).....

Lý do xuất: xuất bán công ty TNHH ĐT và TM Thanh Sơn

Xuất tại kho(ngăn lô)

Địa điểm:

STT	Tên hàng hóa	ĐV tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Yêu cầu	Thực xuất		
01	Sơn Expo Satin 6+1forint 3.6 l	thùng		13	1.300.000	16.900.000
02	Sơn Expo Satin 6+1forint 8.75 l	thùng		6	61.000	366.000
03	Sơn Expo Satin 6+1forint 822 l	thùng		12	58.000	696.000
	<b>Cộng</b>					<b>17.962.000</b>

Thủ trưởng

Thủ kho

Người nhận

P.T cung tiêu

Thủ trưởng đơn vị



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH thương mại Chung Hằng  
Số 888 Tôn Đức Thắng - Sở Dầu - HB - HP

Mẫu số  
Theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC  
Ngày 14/09/2006 của BTC

### PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 06 tháng 12 năm 2011

Số 08

TK nợ: 632

TK có: 156

Họ và tên người nhận hàng: ..... Địa chỉ(bộ phận).....

Lý do xuất: xuất bán công ty CPTM Hải Đà

Xuất tại kho(ngăn lô)

Địa điểm:

STT	Tên hàng hóa	ĐV tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Yêu cầu	Thực xuất		
01	Son Expo Satin 6+1forint 18 l	thùng		95	960.000	91.675.000
02	Son Expo Satin 6+1t 18l	thùng		16	1.390.000	22.240.000
03	Son Expo Satin 6+1forint 18 l	thùng		76	1.060.000	80.560.000
04	BB My kolor int ext 40kg	Bao		700	240.590	168.413.000
05	Satin expo 6+1 3,6l	thùng		112	1.180.500	132.216.000
	<b>Cộng</b>					<b>495.104.000</b>

Thủ trưởng

Thủ kho

Người nhận

P.T cung tiêu

Thủ trưởng đơn vị

Thủ kho căn cứ trên phiếu xuất kho tiến hành xuất kho hàng hóa giao cho khách hàng. Khi hàng hóa được giao cho khách hàng và được khách hàng chấp nhận thanh toán, kế toán hàng hóa lập hóa đơn GTGT chuyển tới cho khách hàng cùng với biên bản giao nhận hàng hóa.

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 05: Sổ Cái TK 632

Công ty TNHH thương mại Chung Hằng  
Số 888 Tôn Đức Thắng - Sở Dầu - HB - HP

### SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tháng 12 năm 2011

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng			
			Số phát sinh			
			.....			
01/12/11	PX02	01/12/11	Xuất kho hàng hóa bán thu bằng TM	156	17.962.000	
03/12/11	PX04	03/12/11	Xuất kho hàng hóa bán thu bằng TM	156	6.749.919	
06/12/11	PX08	06/12/11	Bán hàng hóa chưa thu tiền	156	495.104.000	
14/12/11	PX16	14/12/11	Xuất bán công ty Ngọc Việt	156	5.412.000	
31/12/11	PKT 85	31/12/11	Kết chuyển	911		632.302.116
			Cộng phát sinh		<b>632.302.116</b>	<b>632.302.116</b>
			Số dư cuối tháng			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

### 2.2.3. *Thực trạng tổ chức kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý kinh doanh.*

Công tác kế toán chi phí quản lý kinh doanh cũng đóng một vai trò rất quan trọng trong công tác quản lý cũng như trong tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp, nó giúp xác định các khoản chi phí phục vụ cho việc quản lý các hoạt động của doanh nghiệp; phản ánh, giám đốc kịp thời, đầy đủ, chính xác các khoản chi phí phát sinh; kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của từng khoản chi phí từ đó đảm bảo xác định chính xác thu nhập, khắc phục tình trạng “lãi giả, lỗ thật”, góp phần ngăn ngừa hiện tượng tham ô, lãng phí trong kinh doanh, giúp hạ thấp chi phí và nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

#### ❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi
- Giấy báo Nợ
- Bảng thanh toán lương.
- Bảng tính và phân bổ khấu hao...
- Các chứng từ khác có liên quan.

#### ❖ **Tài khoản sử dụng:**

Tại công ty TNHH TM Chung Hằng áp dụng theo quyết định số 48 nên không có chi phí bán hàng nên không sử dụng tài khoản 641.

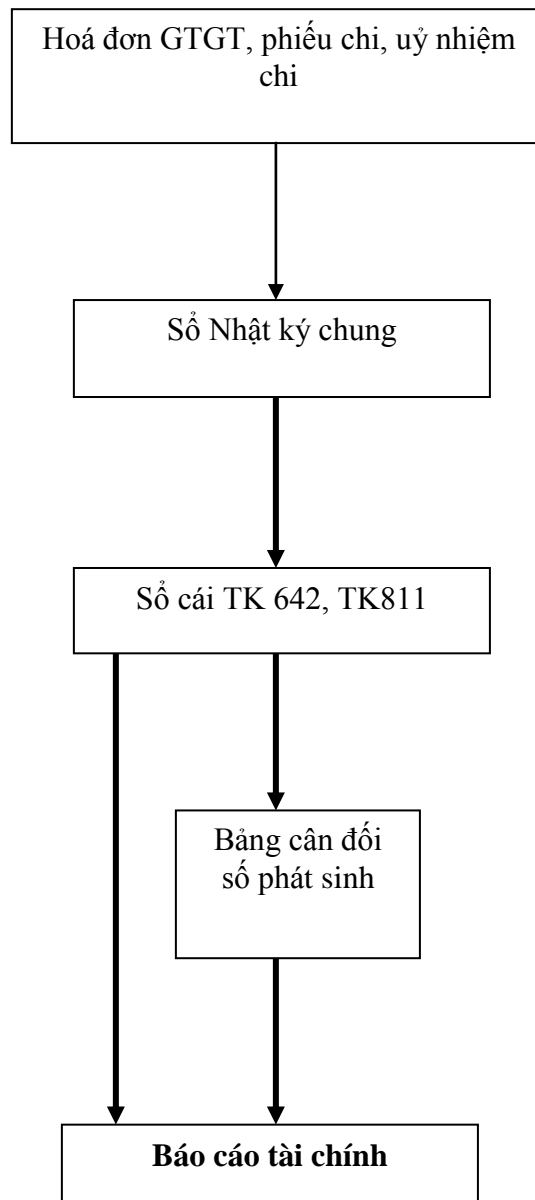
- TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh
  - ✓ Các TK cấp 2:
    - + TK6421 - Chi phí bán hàng
    - + TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

#### ❖ **Sổ sách kế toán sử dụng**

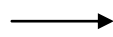
- Sổ nhật ký chung
- Sổ chi phí sản xuất kinh doanh
- Sổ cái TK 642, TK 111

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### ❖ Trình tự hạch toán kế toán chi phí quản lý kinh doanh



Ghi chú:



Ghi hàng ngày



Ghi định kỳ

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

Từ các chứng từ gốc hàng ngày kế toán phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung. Hàng tháng dựa vào số liệu trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái. Cuối kỳ kế toán cộng số liệu trên sổ cái và lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

### **Ví dụ :**

Ngày 08/12/2011, công ty TNHH TM Chung Hằng chi tiền mặt thanh toán tiền điện thoại, tổng giá thanh toán là 2.656.544(thuế GTGT 10%).

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### Biểu số 06: Hóa đơn Giá trị Gia tăng số 2925362

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)	Mẫu số 01GTKT2/001 VT01				
TELECOMMUNICATINON SERVICE INVOICE (VAT)	Ký hiệu (Serial No): AA/11P				
Liên 2: Giao cho người mua ( Customer copy)	Số ( No): 2925362				
Mã số thuế: 0200287977-022					
Viễn thông ( Telecommunication): Hải phòng-TT dịch vụ Khách hàng					
Địa chỉ: Số 4 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng					
Tên khách hàng (Customer's name): Công ty TNHH TM Chung Hằng					
Địa chỉ(Address): 888 Tôn Đức Thắng-Sở Dầu-Hồng Bàng					
Số điện thoại(Tel): 913527877	Mã số (code): HPG-01-109723 (T2SDU1)				
Hình thức thanh toán: TM/CK	MST: 0200655677				
STT (NO)	DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	ĐVT (UNIT)	SỐ LƯỢNG (QUANTIT)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT) VND
1	2	3	4	5	6=4*5
	Kỳ cước tháng: 11/2011				
	a. Cước dịch vụ viễn thông				1.116.920
	b. Cước dịch vụ viễn thông không thuế				1.460.932
	c. Chiết khấu + đa dịch vụ				-30.000
	d. Khuyến mại				0
	e. Trù đặt cọc + trích thưởng+ nợ cũ				0
( a + b + c + d) Cộng tiền dịch vụ(Total) (1):					2.547.852
Thuế suất GTGT(VAT rate):10%*(1)= Tiền thuế GTGT (VAT amount) (2):					108.692
(1 + 2 + e) Tổng cộng tiền thanh toán ( Grand total) (1+2):					2.656.544
Số tiền viết bằng chữ (in words): Hai triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm bốn mươi tư đồng					
Người nộp tiền ký (Signature of payer)			Ngày 08 tháng 12 năm 2011 Nhân viên giao dịch ký (Signature of dealling staff)		

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 07: Phiếu chi

Công ty TNHH thương mại Chung Hằng  
Số 888 Tôn Đức Thắng - Sở Dầu – HB

Mẫu số: 02- TT  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

### PHIẾU CHI

Ngày 08 tháng 12 năm 2011

Quyển số :  
Số : 08  
Nợ: 642,133  
Có: 1111

Người nhận tiền: : Hoàng Thị Hạnh

Địa chỉ : VP công ty

Lý do : Trả tiền điện thoại

Số tiền: 2.656.544

Bằng chữ: Hai triệu sáu trăm năm sáu ngàn năm trăm bốn bốn đồng chẵn./

Kèm theo.....01.....chứng từ gốc

Ngày 08 tháng 12 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị tiền	Kế toán trưởng Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, họ tên)
ký, họ tên)			

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ):

...../

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý)

+ Số tiền quy đổi

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 08: Sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH thương mại Chung Hằng

Số 888 Tôn Đức Thắng - Sở Dầu - HB - HP

### SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị: đồng

Ngày, tháng ghi số	chứng từ		Diễn giải	TK đôi ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
			.....			
01/12/11	PT01, HĐ 0000035	01/12/11	Bán hàng hóa thu bằng tiền mặt	111	19.869.300	
				511		18.063.000
				3331		1.806.300
08/12/11	HĐ292536 2PC 08	08/12/11	Chi tiền mặt thanh toán cước điện thoại	642	2.547.852	
				133	108.692	
				111		2.656.544
08/12/11	HĐ005899 6PC 09	08/12/11	Thanh toán tiền mua hàng	156	12.029.500	
				133	1.202.950	
				111		13.232.450
12/12/11	HĐ292546 8 PC 15	12/12/11	Chi tiền mặt thanh toán cước điện thoại	642	1.138.244	
				133	13.824	
				111		2.769.661
31/12/11	BTTL	31/12/11	Tiền lương phải trả người lao động	642	18.460.000	
				334		18.460.000
			Cộng cuối kỳ		<b>70.090.351.741</b>	<b>70.090.351.741</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 09: Sổ Cái TK 642

Công ty TNHH thương mại Chung Hằng  
Số 888 Tôn Đức Thắng - Sở Dầu - HB - HP

### SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tháng 12 năm 2011

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi số	chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng 12			
			Số phát sinh trong tháng			
			.....			
08/12/11	PC08	08/12/11	Chi tiền thanh toán cước điện thoại	111	2.547.852	
12/12/11	PC09	12/12/11	Chi tiền thanh toán cước điện thoại	111	2.769.661	
31/12/11	BTTL	31/12/11	Tính lương phải trả tháng 12 cho CBCNV	334	18.460.000	
31/12/11	PKT		Kết chuyển chi phí QLDN năm 2011	911		25.450.000
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>25.450.000</b>	<b>25.450.000</b>
			<b>Số dư cuối tháng 12</b>			

Người lập biểu  
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Giám đốc  
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

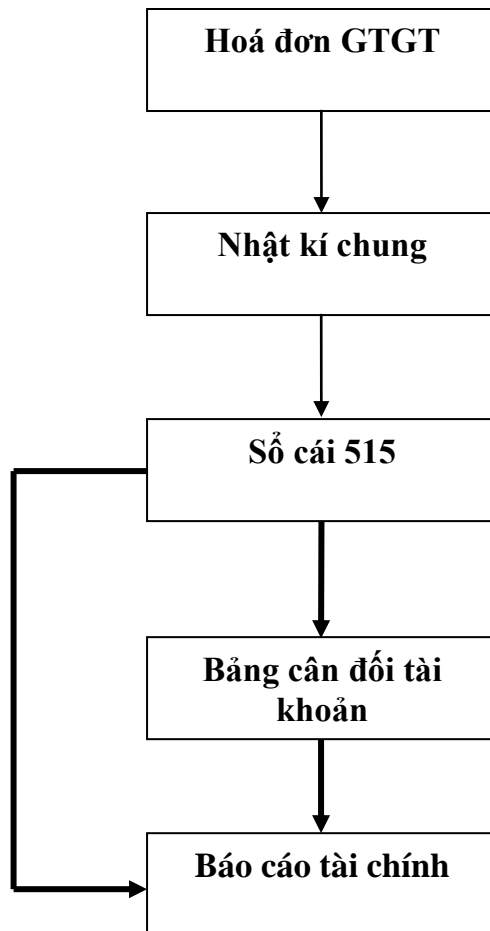
❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu thu
- Giấy báo Có
- Các chứng từ khác có liên quan.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính
- ✓ Các TK cấp 2: - TK 5151: Chênh lệch lãi tỷ giá phát sinh trong kỳ  
- TK 5152: Lãi tiền gửi ngân hàng.

❖ **Phương pháp hạch toán:**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi định kỳ

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

❖ **Ví dụ minh họa:** Ngày 30/12/2011 Công ty nhận được Sổ phụ và Giấy báo Có của ngân hàng Á Châu về lãi tiền gửi tháng 12/2011 được hưởng là 294.471 đồng.

### **Biểu số 10: Sổ phụ ngân hàng Á Châu**

NGÂN HÀNG Á CHÂU		<b>SỔ PHỤ VND</b>	
		Ngày 30/12/2011	
Tài khoản: 42005279			
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI CHUNG HẰNG			
DIỄN GIẢI		GHI NỢ	GHI CÓ
	Số dư đầu ngày		5,942,884
Lãi tiền gửi T12	Tổng số phát sinh ngày		294,471
	Số dư cuối ngày		15,902,339
<b>SỔ PHỤ</b>		<b>KIỂM SOÁT</b>	

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu số 11: Giấy báo Có của Ngân hàng về lãi tiền gửi được nhận:**

<b>NGÂN HÀNG Á CHÂU</b>		<b>Số: 612</b>	
		<b>Ngày: 30/12/2011</b>	
<b>GIẤY BÁO CÓ</b>			
<b>SỐ TÀI KHOẢN: 42005279</b>			
<b>TÊN TÀI KHOẢN: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CHUNG HẰNG</b>			
<b><u>Kính gửi:</u></b> Công ty TNHH Thương Mại Chung Hằng Số 888 Tôn Đức Thắng- P. Sờ Dầu – Hồng Bàng- HP		Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của quý khách đã được ghi Có với nội dung sau:	
<b>Ngày hiệu lực</b>	<b>Số tiền</b>	<b>Loại tiền</b>	<b>Diễn giải</b>
<b>30/12/2011</b>	<b>294,471</b>	<b>VND</b>	<b>Lãi tiền gửi ngân hàng tháng 12</b>
<b>Giao dịch viên</b> <i>(Ký, họ tên)</i>		<b>Kiểm soát</b> <i>(Ký, họ tên)</i>	

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 12: Sổ Nhật ký chung.

**Công ty TNHH thương mại Chung Hằng**  
Số 888 Tôn Đức Thắng - Sở Dầu - HB - HP

### **SỔ NHẬT KÝ CHUNG** Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị: đồng

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK đối ứng	PHÁT SINH	
SH	Ngày			Nợ	Có
PT01, HĐ0000 035	01/12/11	Bán hàng hóa thu bằng tiền mặt	111 511 3331	19.869.300  18.063.000 1.806.300	
PX 02, HĐ000 0035	01/12/11	Xuất kho hàng hóa bán cho công ty TNHH ĐT và TM Thanh Sơn	632 156 111 511 3331	17.962.000  17.962.000 19.809.300 18,063,000 1,806,000	
PX 08, HĐ000 0041	06/12/11	Xuất kho hàng hóa bán cho công ty CPTM Hải Đà	632 156 131 511 3331	495.104.000  495.104.000 551.216.600 501.106.000 50.110.600	
HĐ2925 362, PC 08	08/12/11	Chi tiền mặt thanh toán cước điện thoại	642 133 111	2.547.852 108.692 2.656.544	
30/12	GBC 612	Lãi tiền gửi ngân hàng tháng 12/2011	112 515	294.471 294.471	
31/12	PKT 84	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515 911	1.294.471 1.294.471	
.....	.....	.....	.....	.....	.....
		<b>Tổng cộng</b>		<b>70.090.351.741</b>	<b>70.090.351.741</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 13: Sổ cái TK 515

Công ty TNHH thương mại Chung Hằng  
Số 888 Tôn Đức Thắng - Sở Dầu - HB - HP

### SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tháng 12 năm 2011

Tên tài khoản: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 515

Đơn vị tính: Đồng

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
Số hiệu	NT			Nợ	Có
		<b>Số dư đầu kỳ</b>			
.....	.....	.....	.....	.....	.....
30/12	GBC 612	Lãi tiền gửi tại ngân hàng Á Châu	112		294.471
.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12	GBC 556	Lãi tiền gửi tại ngân hàng ACB	112		594.741
31/12	PKT 84	Kết chuyển doanh thu	911	1.294.471	
		<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>1.294.471</b>	<b>1.294.471</b>
		<b>Số dư cuối kỳ</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

### ***2.2.5. Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh.***

Tại công ty, xác định kết quả kinh doanh được thực hiện theo từng năm. Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác của doanh nghiệp sau một thời kì xuất nhất định (một năm) biểu hiện bằng lãi hay lỗ

Để xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cần phải xác định được doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và các khoản chi phí phát sinh trong kì, kế toán phải thực hiện các bút kết chuyển:

- Kết chuyển doanh thu thuần
- Kết chuyển giá vốn hàng bán
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán

❖ Tài khoản sử dụng:

- TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
  - ✓ Các tài khoản cấp 2:
    - +TK 8211- Chi phí thuế TNDN hiện hành
- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối
  - ✓ Các tài khoản cấp 2:
    - + TK 4211 - Lợi nhuận chưa phân phối năm trước
    - + TK 4212 - Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### Biểu số 14: Phiếu kế toán

**Công ty TNHH thương mại Chung Hằng**

Số 888 Tôn Đức Thắng - Sở Dầu - HB - HP

### PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 83

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	662.156.996
	<b>Cộng</b>			<b>662.156.996</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng

Người lập phiếu

**Công ty TNHH thương mại Chung Hằng**

Số 888 Tôn Đức Thắng - Sở Dầu - HB - HP

### PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 84

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	1.294.471
	<b>Cộng</b>			<b>1.294.471</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng

Người lập phiếu



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Công ty TNHH thương mại Chung Hằng**

Số 888 Tôn Đức Thắng - Sở Dầu - HB - HP

### PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 85

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	602.302.116
	<b>Cộng</b>			<b>602.302.116</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng

Người lập phiếu

**Công ty TNHH thương mại Chung Hằng**

Số 888 Tôn Đức Thắng - Sở Dầu - HB - HP

### PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 86

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	25.450.000
	<b>Cộng</b>			<b>25.450.000</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng

Người lập phiếu

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Công ty TNHH thương mại Chung Hằng**

Số 888 Tôn Đức Thắng - Sở Dầu - HB - HP

### PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 87

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Xác định thuế TNDN phải nộp	8211	3334	8.924.838
	<b>Cộng</b>			<b>8.924.838</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng

Người lập phiếu

**Công ty TNHH thương mại Chung Hằng**

Số 888 Tôn Đức Thắng - Sở Dầu - HB - HP

### PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 88

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển thuế TNDN phải nộp	911	8211	8.924.838
	<b>Cộng</b>			<b>8.924.838</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng

Người lập phiếu

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

**Công ty TNHH thương mại Chung Hằng**

Số 888 Tôn Đức Thắng - Sở Dầu - HB - HP

### PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 89

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	421	26.774.513
	<b>Cộng</b>			<b>26.774.513</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng

Người lập phiếu

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### Biểu số 15: Sổ nhật ký chung

**Công ty TNHH thương mại Chung Hằng**  
Số 888 Tôn Đức Thắng - Sở Dầu - HB

### **SỔ NHẬT KÝ CHUNG** Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị: đồng

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SH TK	PHÁT SINH	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12	PKT 83	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp DV	511 911	662.156.996	662.156.996
31/12	PKT 84	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515 911	1.294.471	1.294.471
31/12	PKT 85	Kết chuyển giá vốn hàng	911 632	602.302.116	602.302.116
31/12	PKT 86	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911 642	25.450.000	25.450.000
31/12	PKT 87	Xác định thuế TNDN phải nộp	8211 3334	8.924.838	8.924.838
31/12	PKT 88	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911 821	8.924.838	8.924.838
31/12	PKT 89	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911 421	26.774.513	26.774.513
		<b>Tổng cộng</b>		<b>70.090.351.741</b>	<b>70.090.351.741</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP****Biểu số 16: Sổ cái TK 911**

**Công ty TNHH thương mại Chung Hằng**  
Số 888 Tôn Đức Thắng - Sở Dầu - HB

**SỔ CÁI****Tháng 12 năm 2011****Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh****Số hiệu: 911****Đơn vị tính: Đồng**

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SH TK	PHÁT SINH	
NT	Số hiệu			Nợ	Có
		<b><u>Số dư đầu kỳ</u></b>			
31/12	PKT 83	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp DV	511		662.156.996
31/12	PKT 84	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		1.294.471
31/12	PKT 85	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	602.302.116	
31/12	PKT 86	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642	25.450.450	
31/12	PKT 88	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	8.924.838	
31/12	PKT 89	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	421	26.774.513	
		<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>663.451.467</b>	<b>663.451.467</b>
		<b><u>Số dư cuối kỳ</u></b>			

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011***Người lập biểu****Kế toán trưởng****Giám đốc**

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 17: Sổ cái TK 821

Công ty TNHH thương mại Chung Hằng  
Số 888 Tôn Đức Thắng - Sở Dầu - HB - HP

### SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tháng 12 năm 2011

Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu: 821

Đơn vị tính: Đồng

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
NT	Số hiệu			Nợ	Có
		<b><u>Số dư đầu kỳ</u></b>			
31/12	PKT 87	Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3334	8.924.838	
31/12	PKT 88	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		8.924.838
		<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>8.924.838</b>	<b>8.924.838</b>
		<b><u>Số dư cuối kỳ</u></b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 18: Sổ cái TK 421

**Công ty TNHH thương mại Chung Hằng**

Số 888 Tôn Đức Thắng - Sở Dầu - HB - HP

### **SỔ CÁI**

**Tháng 12 năm 2011**

**Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối**

**Số hiệu: 421**

**Đơn vị tính: Đồng**

Ngày tháng ghi sổ	chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu tháng</b>			<b>236,981,517</b>
			Số phát sinh trong tháng			
31/12/11	PKT 89	31/12/11	Kết chuyển lãi	911		26.774.513
			<b>Cộng phát sinh</b>			26.774.513
			<b>Số dư cuối tháng</b>			<b>263.756.030</b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Mẫu số: B-02/DNN  
(Ban hành kèm theo Quyết định  
số 48/2006/QĐ-BTC Ngày  
14/09/2009 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
*Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc*

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Người nộp thuế: **CÔNG TY TNHH TM CHUNG HẰNG**

Mã số thuế: **0200655677**

Địa chỉ trụ sở: Số 888 Tôn Đức Thắng- Phường Sở Dầu

Quận Huyện: **Hồng Bàng**

Tỉnh/Thành phố: **Hải Phòng**

Điện thoại: **031.3527176**

Fax:

Email:

Đơn vị tiền: **Đồng Việt Nam**

ST T	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>IV.08</b>	<b>7.945.883.948</b>	<b>3.842.870.935</b>
2	<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>			
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=02-01)	10		<b>7.945.883.948</b>	<b>3.842.870.935</b>
4	Giá vốn hàng bán	11		7.587.625.395	3.728.852.579
5	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>358.258.553</b>	<b>114.018.356</b>
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		12.353.103	760.601
7	Chi phí tài chính	22			
	-Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24		132.253.192	78.138.919
9	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24)</b>	<b>30</b>		<b>238.376.464</b>	<b>36.640.038</b>
10	Thu nhập khác	31			
11	Chi phí khác	32			
12	<b>Lợi nhuận khác(40=31-32)</b>	<b>40</b>			
13	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)</b>	<b>50</b>	<b>IV.09</b>	<b>238.376.464</b>	<b>36.640.038</b>
14	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		59.594.116	9.160.010
15	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>178.782.348</b>	<b>27.480.028</b>

Lập ngày 02 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ  
XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG  
MẠI CHUNG HẰNG**

**3.1. Đánh giá về thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Chung Hằng.**

***3.1.1. Kết quả đạt được.***

**❖ Về tổ chức bộ máy kế toán:**

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung phù hợp với yêu cầu quản lý của Công ty.

- Mỗi nhân viên kế toán phụ trách và tự chịu trách nhiệm về phần hành kế toán được giao nhưng tất cả đều chịu sự chỉ đạo toàn diện, tập trung và thống nhất của kế toán trưởng. Kế toán trưởng có quyền hạn kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhân viên đồng thời cũng phải chịu trách nhiệm trước những sai sót xảy ra trong quá trình hạch toán kế toán. Vì vậy nên công tác tổ chức kế toán trong công ty đã giảm thiểu được những sai sót, gian lận.

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức khoa học, thống nhất từ kế toán trưởng xuống các nhân viên kế toán. Khối lượng công việc được giao cho từng nhân viên rõ ràng, hợp lý, phù hợp với trình độ chuyên môn từng người. Phòng kế toán có quy chế làm việc rõ ràng, mỗi kế toán viên đều có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế cùng với tinh thần tận tâm, nhiệt tình trong công việc nên công tác kế toán tại công ty ít khi xảy ra sai sót.

- Kế toán phản ánh nhanh chóng, kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng chế độ kế toán, phục vụ tốt công tác quản lý.

**❖ Về việc tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán**

Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định.

Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời. Hệ thống tài khoản kế toán sử dụng tương đối đầy đủ, có sử dụng tài khoản chi tiết.

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, ưu điểm của hình thức này là khá đơn giản, ngoài ra nó còn là hình thức phù hợp nhất và được sử dụng nhiều trong các phần mềm kế toán trên máy tính.

**Về việc tổ chức kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.**

Phương pháp hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty nhìn chung đã đúng theo chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán liên quan như chuẩn mực kế toán số 14 về doanh thu và thu nhập khác, chuẩn mực số 17 về thuế thu nhập doanh nghiệp...

Việc cập nhật kịp thời những thay đổi của chế độ kế toán giúp cho Công ty tiến hành công tác kế toán một cách chính xác, tránh được những sai sót không đáng có.

### **3.1.2. Hạn chế.**

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Chung Hằng vẫn còn có những hạn chế nhất định:

✓ **Chưa ứng dụng khoa học công nghệ trong tổ chức kế toán.**

Công ty TNHH TM Chung Hằng đã áp dụng máy vi tính vào công tác hạch toán kế toán. Tuy nhiên hệ thống sổ và trình tự ghi sổ của công ty chưa được thực hiện tên một phần mềm kế toán nào, mới chỉ xây dựng được một số phần hành trên Excel, Word và việc ghi chép còn thủ công. Trong khi đó hoạt động kinh doanh của công ty ngày càng mở rộng, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ngày càng nhiều, kế toán phải đảm nhiệm một khối lượng lớn công việc. Ngày nay khoa học công nghệ phát triển nhanh chóng áp dụng cho hầu hết mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy việc áp dụng công nghệ máy tính vào công tác tổ chức quản lý nhằm đem lại hiệu quả cao nhất

✓ **Chưa áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán.**

Khách hàng luôn muốn tiêu dùng những sản phẩm tốt trên thị trường và được hưởng nhiều ưu đãi. Chính vì vậy việc không áp dụng những chính sách về chiết

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

khẩu thanh toán cho những khách hàng toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng sẽ không khuyến khích được khách hàng thanh toán trước hạn. Điều này làm chậm khả năng thu hồi vốn của công ty.

### ✓ Chưa chi tiết cho từng tài khoản 642

Công ty thực hiện hệ thống tài khoản theo quyết định số 48. Theo quyết định này, tài khoản 642 “ Chi phí quản lý kinh doanh” bao gồm 2 tài khoản cấp 2 là 641” Chi phí bán hàng” và 6422 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”. Trong hệ thống sổ sách của công ty, kế toán chưa hạch toán chi tiết thành hai tài khoản cấp 2. Như vậy sẽ khó khăn trong công tác dự toán và kiểm soát chi phí cũng như đề ra các biện pháp giảm chi phí

### ✓ Chưa lập sổ chi tiết giá vốn hàng bán

Công ty chưa tiến hành lập sổ chi tiết giá vốn hàng bán cho tài khoản 632 làm cho công ty không theo dõi được cụ thể chi tiết giá vốn của từng mặt hàng trong tài khoản 632.

## 3.2. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Chung Hằng.

Hiện nay, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Chung Hằng chưa được hoàn thiện gây khó khăn cho công tác quản lý do thông tin về doanh thu, chi phí chưa được đầy đủ, chi tiết, chính xác. Vì vậy, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được hoàn thiện sẽ giúp cung cấp số liệu doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh chính xác, có độ tin cậy cao, đúng với chế độ chính sách hiện hành. Từ đó, giúp kế toán lập các báo cáo tài chính nói chung và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng một cách trung thực, hợp lý đồng thời giúp nhà quản trị nhận định được tình hình sản xuất kinh doanh của công ty tốt hay xấu, có đạt được kết quả mong muốn hay không, tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước như thế nào và có thể đưa ra các biện pháp nhằm thúc đẩy các biện pháp nhằm thúc đẩy việc tiêu thụ sản phẩm, tiết kiệm chi phí hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận.

**3.3. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Chung Hằng.**

**3.3.1. Giải pháp về việc ứng dụng khoa học công nghệ.**

Công ty nên tiến hành trang bị các dàn máy vi tính hiện đại đồng thời mua bản quyền sử dụng phần mềm kế toán máy FAST. Tổ chức thông tin kế toán trong FAST là rất rõ ràng, cụ thể kế toán chỉ cần lựa chọn thông tin rồi nhập vào phần mềm trên máy vi tính, phần mềm sẽ tự động tính toán và đưa ra các sổ sách, báo cáo kế toán. Việc sử dụng phần mềm kế toán sẽ đem lại những lợi ích thiết thực trong công tác kế toán tại Công ty nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng như giảm bớt được đáng kể khối lượng công việc so với kế toán ghi sổ nhưng vẫn đảm bảo tính hợp lý và khoa học trong công tác kế toán. Ngoài ra, phần mềm được thiết kế đảm bảo có thể cung cấp các báo cáo kế toán quản trị tổng hợp và chi tiết theo nhiều chiều phục vụ tối đa công tác quản trị điều hành.

**3.3.2. Giải pháp về việc sử dụng chính sách chiết khấu thanh toán.**

Việc sử dụng chính sách chiết khấu thanh toán sẽ giúp khuyến khích khách hàng thanh toán nhanh chóng tiền hàng trước hạn, tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn và lâu dài.

✓ **Phương pháp xác định:**

Mức chiết khấu thanh toán có thể được công ty xây dựng dựa trên thực tế của công ty, nhưng cũng có thể tham khảo của một số doanh nghiệp cùng ngành, tương đồng về quy mô. Tỷ lệ chiết khấu thanh toán được căn cứ vào quy mô nợ, tình hình thanh toán, thời gian trả nợ trước hạn và tỷ lệ lãi suất của ngân hàng. Khi xây dựng tỷ lệ chiết khấu, công ty cần lưu ý một số điểm sau:

- Tỷ lệ chiết khấu này không nên quá lớn làm ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, và cũng không nên quá nhỏ khiến nó không thể phát huy tác dụng kích thích khách hàng thanh toán trước hạn.
- Khi áp dụng một tỷ lệ chiết khấu nhất định sẽ ảnh hưởng đến tốc độ thu tiền đối với các khoản phải thu nhưng tỷ lệ chiết khấu sẽ làm giảm lợi nhuận. Công ty

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

cần xem xét liệu chi phí đầu tư khoản phải thu có đủ bù đắp thiệt hại do giảm lợi nhuận hay không.

Khoản chiết khấu thanh toán sẽ được áp dụng với những khách hàng nợ lớn và thanh toán tiền trước thời hạn quy định, khoản chiết khấu này được hạch toán vào TK 635- Chi phí tài chính.

✓ **Phương pháp hạch toán:**

Khi áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng:

Nợ TK 635: Chi phí tài chính

Có TK 131,111,112.....

Cuối kỳ kết chuyển chi phí tài chính sang TK 911:

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635: Chi phí tài chính.

### **3.3.3. Giải pháp cho tài khoản 642.**

Để giải quyết hạn chế, kế toán nên sử dụng 2 tài khoản cấp 2 của tài khoản 642 là tài khoản 6421 “Chi phí bán hàng” và tài khoản 6422 “ Chi phí quản lý doanh nghiệp”. Việc này là cần thiết vì nó giúp kế toán xác định kết quả cụ thể chính xác, giúp cho việc quản lý theo dõi được dễ dàng, từ đó đề ra các biện pháp quản lý hữu hiệu đối với các khoản chi phí này.

VD: Ngày 08/12/2011 Công ty TNHH TM Chung Hằng chi tiền mặt thanh toán tiền điện thoại, tổng giá thanh toán là 2,656,544(thuế GTGT 10%).

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 6422: 2,547,852

Nợ TK 133: 108, 692

Có TK 111: 2,656,544

Như vậy sẽ đảm bảo phù hợp với chế độ quản lý của nhà nước do bộ tài chính ban hành. Nhân viên kế toán có cơ sở xác định đúng, chính xác kết quả kinh doanh cung cấp cho lãnh đạo công ty những thông tin mang tính chất thường xuyên liên tục, có hệ thống về tình hình thực hiện cũng như những biến động của khoản mục

chi phí phát sinh, phân đầu điều tiết chi phí sao cho khoản chi phí giảm thiểu được tối đa, đồng thời giúp cho công tác thanh tra của các cơ quan quản lý được thực hiện dễ dàng nhanh chóng hơn.

### **3.3.4. Giải pháp lập sổ chi tiết giá vốn hàng bán cho tài khoản 632**

Lập sổ chi tiết giá vốn hàng bán nhằm xác định rõ chi tiết giá vốn của từng mặt hàng. Hàng ngày căn cứ vào hóa đơn và phiếu xuất kho, kế toán hạch toán giá vốn vào sổ nhật kí chung đồng thời ghi nhận vào sổ chi tiết giá vốn hàng bán.

Em xin đưa mẫu sổ chi tiết giá vốn hàng bán (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC) như sau:

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Địa chỉ:

Đơn vị :

### SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

TK: 632

Tên sản phẩm:

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Giá vốn hàng bán			
Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
						Nợ	Có
		.....					
		.....					
		.....					
		<b>Cộng phát sinh</b>					

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Công ty TNHH thương mại Chung Hằng  
Số 888 Tôn Đức Thắng - Sở Dầu - HB – HP

### SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

TK: 632

Tên sản phẩm: Sơn Expo Satin 6+1 forint 3,6 l  
Tháng 12/2011

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Giá vốn hàng bán			
Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
						Nợ	Có
		.....					
PX02	01/12	Xuất bán 13 thùng sơn	111	13	1,300,000	16,900,000	
		.....					
PX08	06/12	Xuất bán 112 thùng sơn	156	112	1,180,500	132,216,000	
		.....					
		<b>Cộng phát sinh</b>				<b>211,550,000</b>	



### KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay, để đứng vững và không ngừng phát triển là một vấn đề hết sức khó khăn đối với mỗi doanh nghiệp. Vì vậy, việc tổ chức kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đúng đắn, chính xác và kịp thời sẽ xác định được hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp đứng vững trên thị trường. Từ đó, các nhà quản lý doanh nghiệp có những biện pháp thúc đẩy nhanh quá trình tuần hoàn vốn và mở rộng sản xuất kinh doanh, tăng thu nhập.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH TM Chung Hằng cùng với những kiến thức đã được học tại trường, em đã nhận thức được vai trò của công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Có thể nói, công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty tương đối khoa học, hợp lý song cũng không tránh khỏi những hạn chế. Vận dụng những kiến thức đã được học kết hợp với kiến thức thực tế, em mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Do khả năng còn hạn chế, thời gian thực tập và nghiên cứu có hạn nên bài khóa luận của em không thể tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được sự đóng góp từ phía các thầy cô.

Em xin chân thành cảm ơn các các cô chú phòng Tài chính kế toán của Công ty TNHH TM Chung Hằng đã giúp đỡ em trong thời gian qua. Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của Thạc sĩ Lê Thi Nam Phương cùng toàn thể các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh và nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho em hoàn thành bài khóa luận này.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ

Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính - Nhà xuất bản tài chính.

2. Luận văn tốt nghiệp khoá trước.

3. Website: Webketoan.com

Website: Tapchiketoan.com

4. Và một số tài liệu sổ sách do Công ty TNHH TM Chung Hằng cung cấp.

